

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

NGUYỆT-SAN



SỐ 23 RA NGÀY VU-LAN NĂM MẬU-TUẤT



NG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM XUẤT-BẢN

MỤC-LỤC



NHÂN NGÀY LỄ VU-LAN	<i>P.G.V.N.</i>
NÓI ĐẾN CHỮ HIẾU	<i>Trọng-Đức</i>
ĐỨC PHẬT THÍCH-CA	<i>Khả - Chính</i>
NHỚ MẸ	<i>Tâm-Hỷ</i>
Ý-NGHĨA VÀ GIÁ-TRỊ CỦA MỘT CUỘC CHIẾN-ĐẤU...	<i>Khả - Chính</i>
NGÀI HUYỀN-TRANG ĐI ĂN-ĐỘ THỈNH KINH	<i>V.H. Á-châu</i>
ĐỐN-PHÁP, TIỆM-PHÁP...	<i>Cờ-Việt-Tử</i>
TUYÊN-BỐ KẾT-QUẢ CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG CỦA P.G.V.N.	
TRUYỆN NGẮN ĐƯỢC GIẢI KHUYẾN-KHÍCH	
TIN TỨC	
HỘP THƯ TÒA-SOẠN	



Nhân ngày lễ Vu-lan

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM ƯỚC NGUYỆN...

Hôm nay, ngày rằm tháng bảy, ngày lễ Vu-lan, đối với toàn dân là một ngày quốc-lễ; riêng đối với tín-đồ Phật-giáo, nó còn có rất nhiều ý-nghĩa thâm-thiết sâu-xa:

Ngày hôm nay là ngày chư-tăng làm lễ tự-tứ, lễ để quý vị kiểm-thảo tư-tưởng, ngôn-ngữ, cử-chỉ, hành-vi của mình trong ba tháng kiết-hạ. Mỗi năm, sau lễ tự-tứ, họ được sung-sướng thêm một tuổi đạo, tuổi của đức-hạnh, của tinh-tấn trên bước đường đi đến giải-thoát. Đó là một nỗi hân-hoan không riêng cho quý vị tăng-già, mà là chung cho toàn-thể tín-đồ Phật-giáo.

Ngày hôm nay cũng là ngày để tín-đồ chúng ta làm lễ báo hiếu, không những cho song-thần còn tại-thế, mà còn cho cả cửu-huyền, thất-tổ chúng ta. Ngày hôm nay là một ngày vui mừng của những người con hiếu-thảo, một dịp cho họ đền đáp trong muôn một, công-đức cao dày của các bậc song-thần.

Ngày hôm nay cũng lại là ngày xá-tội vong-nhân, hay nói theo danh-từ Đạo Phật là ngày « giải-đảo huyền » (ngày mở trời



cho những kẻ phạm tội bị treo ngược dưới âm-ty), ngày mà nhờ năng-lực chú-nguyện tín-thành của chư tăng, các vong-linh được siêu-thoát khỏi cảnh mê-đờ khổ đọa.

Vì ý-nghĩa ngày lễ Vu-lan đối với tín-đồ Phật-giáo trọng đại, sâu-xa như thế, nên chúng tôi nhân danh cơ-quan ngôn-luận của Tổng-hội Phật-giáo Toàn-quốc, tiếng nói chính-thức của sáu tập-đoàn Phật-giáo Việt-nam, kính-cẩn ước mong chính-quyền mở lượng hải-hà, ân-xá cho một số lớn phạm-nhân đã biết ăn-năn hối-cải, được trở về đoàn-tụ với gia-đình trong dịp lễ Vu-lan. Cử-chỉ khoan-hồng ấy sẽ tạo cho họ một cơ-hội quý hóa để báo hiếu với phụ-mẫu họ. Không có gì làm cho những tuổi già cảm động sâu xa, sung-sướng đến cùng độ bằng thấy được những người con đã đi làm đường lạc lối trở về với gia-đình trong ngày hôm nay. Không riêng những người được ân-xá sẽ đời đời ghi-ân chính-quyền quốc-gia mà cả gia-đình họ cũng sẽ không bao giờ quên được cử-chỉ khoan-hồng ban bố rất đúng lúc ấy.

P.G.V.N.



NÓI ĐẾN CHỮ' HIẾU CỦA ĐẠO PHẬT

TRỌNG-ĐỨC

KHI Thái-Tử Tất-đạt-Đa sắp lìa « Cung-Vui » để đi tìm Đạo, Xà-nặc, tên giữ ngựa của Thái-tử, gọi chữ hiếu để cố ngăn cản Ngài :

— Thưa Thái-tử, Thái-tử hãy nghĩ đến Phụ-Hoàng. Nếu Ngài đi thì lấy ai sớm hôm phụng-dưỡng Hoàng-Thượng.

Thái-tử trả lời :

— Xà-Nặc ạ ! Sẽ là một tình thương giả trá nếu ta cứ ở mãi bên cạnh những người thân để hưởng thụ những thú vui ích kỷ. Ta vì thương Phụ-Hoàng hơn chính bản thân ta, nên ta mới phải dấn thân ra đi để tìm cho Người một thứ tình yêu rộng rãi và mãi mãi không phai tàn.

Khi ra đi, Thái-tử mang tiếng là một người con bất hiếu, vì đã làm đau khổ Tịnh-Phạm-Vương. Thế mà từ ngày ấy đến nay, đã bao lớp người cha đã bị chìm sâu trong quên lãng, dù họ là một đấng vương thống-trị một đại cường quốc, dù họ là một triệu - phú, dù họ lúc sanh tiền được những người con chí hiếu cung phụng đủ điều, cái tên Tịnh-Phạm-Vương vẫn còn được người đời kính - trọng, nhắc nhở mãi mãi cho đến vạn đời sau. Đức Phật đã mở đầu cho một nội dung mới của chữ Hiếu. Nó rộng-rãi hơn chữ hiếu của Đạo

Nho, mặc dù Đạo Nho thường được ca tụng là Đạo chí hiếu. Nó không hạn cuộc sự dưỡng thể và dưỡng chí của cha mẹ, nó không hạn cuộc trong sự phải có con để nối dõi tông đường (bất hiếu hũu tam, vô hậu vi đại) nó không bắt buộc « con cái phải ở luôn bên cạnh cha mẹ, không được đi đâu xa, khi cha mẹ còn tại thế, và khi cha mẹ mất ba năm không được thay đổi trong nhà » Phạm-vi của chữ hiếu trong đạo Phật rộng-rãi vô biên, nó không hạn cuộc trong một đời người, trong một gia-đình, trong một làng tổng. Nó dung-hòa được quyền-lợi giữa mình và người, gia-đình mình và gia-đình người; không phải đâm đạp lên đầu những người khác để đội cha mẹ mình lên, gia-đình mình lên mới gọi là hiếu. Không phải bóc lột, lấn át người khác để phụng-dưỡng cha mẹ khi còn tại thế là hiếu. Không phải làm lễ tống-táng cho to, vật năm bò, bảy heo, khi cha mất mới gọi là hiếu, không phải làm giỗ làm kỵ cho linh đình mời làng mời tổng tới chèn say sưa mới là hiếu. Không phải xây lăng đắp mộ cho kiên-cố, đồ-sộ mới gọi là hiếu.

Hiếu của người Phật-tử trước hết là làm sao cho cha mẹ bỏ ác làm lành. Vì có bỏ ác làm lành mới mong giải-thoát được, mà giải-thoát là mục đích cuối cùng của Đạo Phật. Bao nhiêu những sự cung-phụng miếng ăn, thức mặc, nhà cửa cao lớn, khoa trương thanh-thế, hư danh đều không đưa đến đâu cả, mà có khi là những trở ngại dìm cha mẹ trong địa ngục tối tăm.

Đặc tánh thứ hai của chữ Hiếu trong đạo Phật là phải lấy Từ-bi làm nền tảng cho Hiếu Nghĩa. Nói cách khác, Hiếu không phải chỉ là thương cha mẹ, mà phải thương cả chúng-sinh. Vì tất cả chúng-sanh từ vô-thỉ đến nay, quần quanh trong lục đạo, trải trăm ngàn kiếp, thay đổi làm cha mẹ lẫn nhau, đều có mang ơn sanh thành dưỡng-dục của nhau ở kiếp này hay kiếp khác. Tất cả chúng-sanh từ vô thỉ đến nay,



là cha mẹ ta tất, cả thế-giới là gia-đình ta. Cho nên báo hiếu không những chỉ là đền ơn, trả nghĩa cha mẹ ông bà trong một đời, hay nhiều đời, mà là ghi ơn tất cả, làm lợi lạc cho tất cả, thương yêu tất cả chúng-sanh. Báo hiếu ở đây cũng là một cách tu, tu hạnh từ-bi, tu hạnh Bồ-Tát Đại-Thừa.

Cho nên chúng ta sẽ không lấy làm ngạc-nhiên khi đọc thấy lời dạy bảo mạnh-mẽ rõ ràng sau đây : « Điều thiện tối cao không gì hơn hiếu; điều ác cùng cực không gì hơn bất hiếu; gặp đời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật. Thờ Trời Đất, Quỷ, Thần không bằng có hiếu với cha mẹ.»

CHÙA BOROBUDUR, ngôi chùa cao nhất ở Nam-dương

Ở phía bắc tỉnh Jogjakarta (Nam-Dương) có một ngôi chùa mệnh danh là chùa Mendut. Chùa này được xây vào cuối thế kỷ thứ 8 gồm có một gian lớn duy nhất trong đó có một bức tượng Phật cao 3 thước bằng đá khối chạm trổ tỉ mỉ. Trong gian phòng này còn có hai tượng nhỏ tức tượng của hai vị đồ-dệ Phật đã tu thành chánh quả. Nóc chùa làm bằng những lớp mái đá, xếp đặt thành bậc, càng cao, bậc càng nhỏ đi.

Chùa thứ hai cách chùa Mendut khoảng 200 thước về phía Bắc. Chùa này tên là Borobudur là một ngôi chùa nguy-nga xây cất tại ngã hai con sông Praga và Elo. Chùa Borobudur là ngôi chùa rộng lớn nhất thế giới nóc cao tới ngót năm chục thước và chiều dài tới một trăm ba mươi thước. Chùa Borobudur được xây cất khoảng năm 850 do lệnh vua Sri Maharadjo Rakai Pantjapano Pananghrana, thuộc triều nhà Sailendra từng trị vì đảo Java từ năm 732 đến năm 900 Dương-Lịch.

Chùa Borobudur gồm có chín sân. Sáu sân hạ hình vuông, còn ba sân thượng hình tròn. Quanh chùa có bốn cửa chính đi vào nhìn ra bốn phương : Nam, Bắc, Đông, Tây. Thường thường khách đến chùa bằng cửa Đông và đi quẹo về bên trái, như vậy xá-lợi Phật được chôn dưới chùa bao giờ cũng ở phía tay mặt. Tường bao quanh những sân hạ được chạm trổ những cảnh tượng-trung cho đời sống đức Phật.

Trên các sân thượng, không có tường chạm trổ nhưng du-khách nhìn thấy rất nhiều tháp nhỏ và qua khe tháp du-khách nhìn thấy một tượng Phật tọa thiền. Trong tháp chính có đặt một bức tượng Phật rất lớn. Chùa Borobudur được dựng lên làm nơi tu hành cho các tăng sĩ. Ngày nay chùa vẫn tiếp tục sứ mạng đó.

ĐỨC PHẬT THÍCH-CA

Phỏng-dịch theo Paris - Match
Dịch - giả : KHẢ - CHÍNH

(Tiếp theo và hết)

PHƯƠNG - thuốc diệt khờ ấy, Ngài quả có đem đến thật. Bằng lý liên-quan tương-thừa tương-kế của «mười hai nhân-duyên», Ngài chứng-minh rằng khờ-đau không có nguyên-nhân nào khác hơn là ngu-tối, mệnh-danh là Vô-minh. Vô-minh có nghĩa là nhận lầm cái ngã giả-hữu của mình làm thiệt và chính vì vậy mà con người bị đầy đọa sống mãi mãi trong tình-trạng lo-âu, xâu-xé nhau và gây đau-khờ cho nhau. Vậy thì muốn chấm dứt khờ-đau, con người phải nhận-chân được cái ngã giả-hữu ấy như Phật, nghĩa là phải giác-ngộ.

Một vị Tỳ-kheo, trong một cuộc đàm-dạo với vua Di-lan-Đà (Milinda) đã giải-thích về cái ngã giả-hữu ấy như sau. Vua hỏi vị ấy tên gì ? Trả lời : «Không biết, người ta gọi tôi là Na-tiên (Nagaséna), nhưng đó chỉ là một cách nói ; sự thật thì nó không chứa đựng một cái gì hết !» Mặc sức cho vua ngạc-nhiên, rồi Ngài dẫn ví-dụ cái xe, gồm nhiều mảnh ghép lại để đem ví với con người gồm có nhiều bộ-phận giả-hợp, trong đó không một mảnh nào hay bộ-phận nào là cái xe hay con người cả.»

Cũng vua Di-lan-Đà này, khi hỏi ngài Na-Tiên về cảm-giác đồng-nhất mà mọi chúng-sinh đều có, như cái đồng-nhất giữa Na-Tiên đi đứng nằm ngồi và Na-Tiên nói chuyện với vua, thì được Ngài đưa ví-dụ cái đèn ra bác : «Vâng, thì cũng cùng một cây đèn ấy chiếu sáng nhưng ngọn đèn không bao giờ là một, vì bắc và dầu luôn được đổi mới. Con người ta cũng thế, vẫn một mà vẫn luôn luôn sai khác, vì năm «uần»



giả-hợp thành con người cũng luôn luôn bị hủy-hoại và được thay thế
đề tiếp nối nhau duy-trì cái giả-hợp con người». Năm uần tức là sắc, thọ,
trưởng, hành, thức đã nói ở đoạn trên.

Trong xứ Ấn-Độ quê-hương của Toán-học, tưởng như rằng
trong đêm Thành-Đạo, đức Phật đã nắm bắt được rành-rẽ từng nguyên-
tử một, cấu-tạo nên vũ-trụ và cấu-tạo con người trong vũ-trụ ấy. Kinh
chép rằng : «Một ngày tròn 24 tiếng đồng-hồ chứa đựng 6.400.099.980
sát-na hay khoảnh-khắc nhận-thức. Cứ trong mỗi sát-na như thế là có một
lần sinh diệt của năm uần. Như vậy, con người được đổi mới
6.400.099.980 lần trong một ngày.

Và, chính trong cái con người thay đổi vô-thường, loạn-xạ đến
chóng mặt như thế, con người ấy không tự biết, lại đi đau-khổ vì những
thay-đổi vô-thường của vạn sự vạn vật khác xung quanh nó !

«Tất cả những gì có sinh, tất phải có tử». Vô-thường là
định-luật của vũ-trụ. Ngoại giả, cái gì cũng chỉ là ảo-ảnh. Ảo-ảnh như
khúc cây mục thấp-thoáng dưới ánh trăng mà tưởng lầm ra con rắn.

«Hãy tỉnh-ngộ ! Trên đời này, chỉ có nguồn-gốc tội ác : Vô-
minh. Vô-minh khơi nguồn cho dục-vọng chìm đắm người trong những
thú vui được hưởng-thụ, ru ngủ người trong giấc mộng hạnh-phúc thiên-
đường vĩnh-cửu. Chính dục-vọng tạo ra cái đồng-nhất và «cái thường
giả-dối» của cái ngã bi-đòi, của cái ngã luôn luôn khao-khát đòi hỏi mà
không bao giờ thỏa-mãn. Cái ngã đáng ghét ấy chỉ là sản-phẩm của dục-
vọng. Vì thế mà cái ngã ấy trôi-nổi với những gì đang trôi-nổi, quay-
cuồng với những gì đang quay-cuồng. Chung quy là vô-thường nọ trong
vô-thường kia ! Phá vỡ cái ngã tù-hãm ấy, con người mới sẽ được tự-
do. Hết dục-vọng, hết sợ-hãi, con người mới sẽ được an-vui, thanh-tĩnh.
Đó là Niết-Bàn, vì Niết-Bàn là sự dập tắt dục-vọng và sợ-hãi. Một khi
đã tỉnh-ngộ rồi, con người sẽ nói như đấng Đại-giác đã nói : «Chúng ta
sống trong an-vui vì chúng ta không còn có gì ràng buộc nữa. Chúng ta
sống trong an-vui vì chúng ta không còn thù-oán trong một xã-hội đầy
oán-thù. An-vui là thức ăn hằng ngày của ta cũng như của thiện-thần
hoan-lạc.»

Đức Phật phán dạy ta như vậy đó.

Ngài từ giã thế-giới này cách đây hai nghìn năm trăm năm, đề



lại cho đời một niềm an-vui bất diệt. Khắp nơi trên thế-giới, và nhất là tại những vùng nào gặp nhiều biến-cố lớn-lao nhất, niềm an-vui thanh-tĩnh ấy lại xuất-hiện nhiều hơn, qua nụ cười hiền-hòa của người Phật-tử khắp đó đây. Chính cái niềm an-vui này mà về sau lúc giáo-đồ Bà-la-môn nổi dậy chống Phật-giáo, không biết nói gì hơn là buộc tội «Phật-tò vì thương con người đã để lộ thiên-cơ của thần-minh cho con người biết».

Vì vậy mà kẻ xưa kia vốn chỉ muốn «làm người», không được «làm người» lâu. Đức Phật vừa mới khuấy dạng khỏi tấm bệ đá và gốc cây của vườn Lộc-uyên, thì hình-ảnh của Ngài liền được dựng lên thành thần-tượng, ngay trong óc của những kẻ mà Ngài đã trực-tiếp giáo-hóa và cặn-kẻ dạn dò.

Bệ đá còn đó. Gốc cây cũng còn đó. Với năm đại đệ-tử đang chăm-chú nghe, Ngài bảo họ : «Ta là ngọn lửa đã tắt». Nói xong, Ngài ra đi, một mình trong bụi chiều mờ, hướng về ngã sông Hằng. Bảy giờ Ngài ba mươi sáu tuổi.

Không ai biết Ngài đi đâu. Tác-giả kinh Lalita Vistara chỉ nói : «Đấng Chí-tôn đã làm xong điều Ngài có bổn-phận phải làm». Nói xong bài thuyết-pháp ở vườn Lộc-uyên tức là Ngài đã «chuyên bánh xe pháp» được rồi. Từ đấy, chính với hình-dáng một bánh xe mà người ta tượng-trưng cho hình-ảnh Ngài. Trục xe là Phật tức Giác-ngộ ; tấm xe là Pháp tức Giáo-lý ; vành xe là Tăng tức Giáo-hội tu-sĩ. Phật, Pháp, Tăng, ấy là ba Ngôi-báu nòng-cốt của Phật-giáo. Kẻ nào đặt tin-tưởng của mình vào Phật, Pháp, Tăng, kẻ ấy là Phật-tử, bất cứ có xuất-gia hay không xuất-gia. Sự sai khác giữa hai giới tu-sĩ xuất-gia và cư-sĩ tại-gia không quan-trọng lắm. Người ta không đòi hỏi tín-đồ phải tin, vì giáo-lý nguyên-thủy không phải là một tôn-giáo. Người ta cũng không đòi hỏi tín-đồ phải cầu-nguyện vì đức Phật không phải là một đấng thần-minh. Nhưng, Ngài sẽ được thần-minh hóa dần dần. «Bánh xe Pháp» một khi đã chuyên rồi, Ngài trở thành Bánh-Xe. Từ đó, tuyệt-nhiên, ta không biết gì hơn về nơi Ngài. Một tấm màn phiêu-diêu đã buông xuống, một tấm màn mơ-huyền với voi, khí, công, nai, cọp lảng-xãng qua lại, chặn ngang giữa Ngài và chúng ta. Rồi bỗng một hôm, «người con lảng-tử» lại xuất-hiện, trở về khất-thực trong kinh-đô của phụ-vương và quy-y cho những người trong quyền-thuộc. Rồi, tên phản-phúc Đề-bà-đạt-đa dục voi dữ ra hại «đấng Đại-thánh của loài người»



và con voi dữ, thay vì lòng-lộn lên, đã ngoan-ngoãn phủ-phục xuống khi nhận ra Phật. Rồi, rần đến quần xung quanh đấng Chí-tôn để che mưa cho Ngài, và một con khỉ mang đến một cái bánh mật để Ngài dùng đỡ đói. Tất cả những cảnh mơ-huyền ấy là sản-phẩm đặc-biệt của xứ Ấn-Độ giàu tưởng-tượng thêu-dệt thêm. Điều ta biết chắc-chắn, theo lời Ngài A-Nan, một đệ-tử của Phật thuật lại, là suốt trong bốn muôn chín năm giáo-hóa độ-sanh, chân Ngài luôn luôn dính bụi đường, rong ruổi khắp nơi, từ sông Hằng đến Hy-mã-lạp, rồi lộn trở lui xuống thấu Vương-xá ; đến đâu khát-thực ở đấy, Ngài là hiện-thân của giáo-lý Ngài, mùa mưa thì cùng đệ-tử tu-học trong các hang đá và mỗi ngày chỉ ăn một bữa trưa ; với tất cả mọi người, dù vua chúa, kẻ trộm, Bà-la-môn hay cùng-đinh, Ngài cũng dạy in nhau : quên mình và thương mọi loài ; khi xuân về và bùn khô ráo, Ngài lại lên đường, không bao giờ vào một thành-phố sau khi mặt trời lặn, và với ai đến cầu đạo với Ngài, Ngài cũng chỉ dạy diệt trừ ham-muốn để tự thắng mình và khơi nguồn cho niềm an-vui thanh-tịnh phát-khởi.

Trước khi tịch vài tuần-lễ, đức Phật lại ra khỏi huyện-sử và xuất-hiện trở lại với đầy đủ chi-tiết của một nhân-vật lịch-sử. Đức A-Nan ở bên cạnh Ngài. Trong mùa mưa trước đó, cả hai cùng ở trong một hang đá tại Vương-xá. Khi những ngày tạnh ráo đầu tiên trở về, cả hai cùng cất bước tiến lên phương bắc. Từ Vương-xá đến Paliputta, mất trọn ba ngày đường. Họ vượt sông Hằng tại đây. Lúc bảy giờ là cuối tháng tư dương-lịch. Ngay ban sáng, trời đã nắng gắt gao lắm rồi. Đất bốc hơi và đốt nóng chân. Khi đến Vệ-xá-ly, Ngài cảm thấy trong người bất an. Có lẽ vì nắng thái quá. Đầu trần cạo nhẵn, vai mặt trật ra, mảnh y vàng phong-sương quần xung quanh lưng, Ngài đóng-mãnh tiến bước. Tuy đau, hôm sau Ngài vẫn đi bộ như thế sáu tiếng đồng-hồ liền. Từ Vệ-xá-ly đến Câu-ly (Kusinara), còn bảy ngày đường nữa.

Ngày thứ sáu, Ngài dừng lại ở Pava, tại nhà ông Thuần-Đà (Tchounda), con một ông thợ rèn. Trong bình bát cơm mà nhà này cúng-dường Ngài, không biết có lẫn vào thức gì đó mà Ngài không nhìn đến. Về sau, người ta nói rằng đó là món «chân heo rừng», nhưng thực ra thì là tên một loại nấm của vùng này. Ngay trong đêm ấy, Ngài ngộ bệnh, một loại bệnh kiết-lỵ do nấm độc gây ra. Tuy trong người bất-an như thế, nhưng qua hôm sau Ngài vẫn dậy sớm và tiếp-tục lên đường. Còn hai con



sông phải vượt qua : sông Kakoutska và sông Hiranyavati. Một đoàn năm trăm xe bò vừa mới qua hai sông ấy trước khi Ngài đến. Nước sông còn đục ngàu. Hai lần Ngài đưa bình-bát xuống mức nước uống. Đến Câu-ly-na-na thì trời chưa trưa.

Đây rồi Câu-ly-na-na. Cảnh vật vẫn là cảnh vật cũ và mặt trời cũng đang đứng bóng. Cũng ngọn nắng khét khao xưa đương thiêu đốt đồng ruộng. Dưới gốc Xa-la, kia là mô đất Ngài ngồi lần cuối cùng. Chính tại nơi đó mà trong kinh nói Ngài nằm nghiêng xuống «bên cánh tay phải, như một con sư-tử».

Sau giấc ngủ trưa, Ngài tụ-họp đệ-tử lại như thường lệ. Một người lạ xin đến yết-kiến Ngài. Ngài chấp-thuận. Đó là lần Quy-y cuối cùng, độ cho đệ-tử cuối cùng. Quy-y xong, trời cũng vừa tối. Đức A-Nan ngồi cạnh Ngài, lấy khăn thấm nước đắp lên môi Ngài đã cứng đờ vì cơn sốt đương lên. Hôm ấy là ngày trăng tròn tháng tư âm-lịch. Cùng một đêm ấy, tháng ấy, xưa kia một lần Ngài đã đản-sinh tại vườn Lâm-tỳ-ni và một lần Ngài thành-đạo tại Ưu-lâu-tần-loa (Uravela) dưới cội Bồ-Đề. Đêm trăng tròn tháng tư là đêm Phật, từ mình Ngài tỏa muôn ngàn hào-quang thơm ngát mùi hoa lài, mùi dầu dừa và mùi trầm hương đương cháy. Đến canh ba, Ngài bảo các đệ-tử : «Này các vị Tỳ-kheo ! Mọi vật đều hoại-diệt. Hãy nhớ kỹ điều đó và hãy tinh-tấn luôn».

Ấy là những lời cuối cùng. Các vị đệ-tử, đang bận hành lễ đón chào bình-minh, đề di-thề Ngài nằm yên đó. Dân cư trong vùng, xưa nay chưa từng quen biết Ngài, đến thiêu xác cho Ngài : những kẻ xa lạ nọ đến chôn một kẻ xa lạ kia. Những kẻ đến khóc Ngài hôm đó là những kẻ chưa từng hiểu Ngài.

Con Người cao-quý nhất trong loài người, con Người đầu tiên biết thương yêu nhân-loại, đã từ giả cõi đời như vậy đó.

Con người ấy, loài người đã chuyên-hóa thành một đấng thần-minh.

Trong suốt mười ba thế-kỷ, xứ Ấn-Độ thoát ra những ám-ảnh siêu-hình, được sống trong thanh-tịnh an-vui, được hướng-dẫn bởi ánh sáng trí-tuệ của Phật-tò và nhờ đó, đạt được mức tinh-ba tối-cao của nền văn-minh Ấn-Độ. Vị tạo-hóa Phạm-thiên, bên cạnh đức Phật, từ đây mờ hẳn đi. Trong toàn xứ, mọc lên hằng-hà sa-số đền, chùa đồ-sộ, tôn-thờ thánh-tích. Ngài, một kẻ đã lên tiếng tố-cáo mọi hình-ảnh là ảo-tượng,



nay được người ta tạc-tượng lên đền thờ. Ngài, người đã từng dạy : «Ta không phải cái «ngã» ấy, cái «ngã» ấy không phải là ta, không thuộc sở-hữu của ta», từ nay con Người ấy được nghệ-thuật tạc-tượng ghi lại hình-dáng trong đá hoa-cương rắn nhất.

Trong kỷ kiệt-tập kinh-diễn năm 245 trước Tây-lịch, môn-đồ Ngài mới quy-định các hệ-thống trong Phật-giáo. Giáo-diễn bất-thành-văn được thiết-lập bằng tiếng Ba-ly. Mãi đến đầu thế-kỷ thứ nhất trước Tây-lịch, mới có giáo-diễn thành-văn ra đời. Đó là pho tam-tạng đầu tiên. Tam-tạng nghĩa là ba giỏ. Một giỏ chứa những sách nói về điển-chế quy-điều của tu-sĩ tức là Tạng-Luật, một giỏ chứa những sách ghi chép những bài thuyết-pháp của Phật tức là Tạng-Kinh và một giỏ chứa những sách giảng-giải tinh-hoa của nền Lý-thuyết Phật-tò đã nói trong kinh tức là Tạng-Luận.

Giáo-diễn Ba-ly đó là giáo-diễn nguyên-thủy. Về sau, người ta gọi nó là Tiều-thừa : cỗ xe nhỏ. Giáo-diễn này hiện đang được tụng đọc tại Ấn-độ, Tích-lan, Diến-điện, Thái-lan.

Bắt đầu từ thế-kỷ thứ nhất sau Tây-lịch, cùng một lúc với Cơ-đốc-giáo truyền-bá vào Ấn-độ, một nền Phật-giáo mới xuất-hiện, kích-dộng mãnh-liệt và chói sáng rực-rỡ khắp lục-địa Châu Á : Đại-thừa Phật-giáo (cỗ xe lớn). Sự sai khác giữa hai bên chỉ ở chỗ, Tiều-thừa nệ văn-cú, hình-thức, trong khi đó, Đại-thừa cố-gắng đạt cho được tinh-hoa của nền giáo-lý. Vì vậy, với Đại-thừa, đức Phật không chỉ là một bậc Thánh-nhân, Ngài còn là một đấng Giải-thoát. Suy cứu đến tính-nghĩa huyền-diệu của nền Giáo-lý Phật-đà, Đại-thừa đã dựng thành một tôn-giáo.

Trong hình-thức cao nhất của nó, Đại-thừa truyền-bá thuyết cao-siêu trác-tuyệt : « Nhân, ngã đồng nhưt thề ». Mãi về sau, lâu lắm bên Cơ-đốc-giáo có thánh François cũng chủ-trương giống như thế. Và rồi đến lượt Hugo, nhà đại văn-hào Pháp, cũng la tiếng la huyền-ảo : « Kẻ điên rồ kia, đừng tưởng rằng tôi không phải là anh ! » Tiếng la huyền-ảo đầy ám-ảnh ấy là do vị tu-sĩ Phật-giáo Santideva thốt ra lần đầu tiên hết. Chính nền Phật-giáo huyền-bí này, về sau pha-trộn với Bà-la-môn giáo, Khổng-giáo và Lão-giáo, lan khắp Trung-hoa, Cao-ly, Nhật-bồn và khắp lục-địa Bắc, Á-châu. Tại phần đất này của Á-châu, đã từ hai ngàn năm rồi, đức Phật được năm trăm triệu tín-đồ sùng-bái, dưới



hàng ngàn danh-từ khác nhau. Riêng phái Thuyền-tôn (Zen) ở Nhật-bồn cũng đã có đến sáu chục triệu tín-đồ.

Ngoài hai Thừa trên, còn một Thừa thứ ba đương thành hình. Nó đi ngay vào trung-tâm của nền giáo-lý huyền-bí ấy, khảo-sát những lời Phật dạy đến chỗ cực-kỳ tinh-vi. Đó là Mật-tôn dạy phép Du-già mà hiện các tu-sĩ Tây-tạng đương luyện-tập trên rặng Hy-mã-lạp sơn u-tịch. Lạp-Tát, thủ-dô Tây-tạng, có lẽ là một La-mã của Phật-giáo ngày nay. Nhưng ở đây, ít có tín-đồ Phật-giáo đến hành-hương, vì là cấm-địa. Càng hiếm hơn là những kẻ lên tới đó mà còn trở lui về. Kinh xưa bảo rằng ; «Ai đã tìm được bản tánh, không còn kiếm gì khác hơn nữa ở thế-giới này cũng như ở các thế-giới khác»

x^xx

Trong ánh-sáng bình-minh vừa hé, những rừng ánh-sáng đèn đuốc trong các đền tháp phai mờ dần. Đêm cao-cả đã qua. Bầu trời còn trong suốt với những con sao nhấp-nháy. Kìa, bên kia đồng ruộng, về phía Trung-hoa, một loạt đèn rước bình sáng rực, màn đêm rung-chuyển như sẵn-sàng vén lên để lộ vùng hồng đỏ chói. Chính lúc ấy, bản nhạc an vui thanh-tịnh trời dậy, tung ra khắp nơi. Từ rừng dừa Tích-lan gió đung-đưa lá đến rừng già Diễm-điện thâm-u, từ những bãi tuyết trắng phau của xứ Tây-tạng đến vườn anh-đào đơm bông của nước Nhật-bồn, trong các đền chùa, cùng một loạt, chuông rung, trống dóng để chào đón giờ phút bình-minh của ngày vô-song trong lịch-sử nhân-loại.

Chính giờ phút đó, đấng Chí - tôn đã ra đi cách đây 2500 năm để lại cho con người bức thông-điệp tối cao sau đây : «Hãy dập tắt lửa phiền-não tham, sân, si thì sẽ thấy Niết-bàn, nơi ấy không có ba thứ lửa phiền-não tham, sân, si ấy».

Những ánh lửa đêm cuối cùng tắt dần trước ánh-sáng ngày rực-rỡ. Và hồng-hào trong màu của hừng-đông, hàng triệu triệu tín-đồ hành-hương đương mang hương, hoa, trầm, nến đến cúng-dường Phật, và hát những bài tán-thán niềm vui hoan-lạc của đấng Từ-bi. Bây giờ đây, họ đương giải-tấu ra về, trên khắp các nẻo đường của Á-châu, theo đội-ngũ rập-ràng và chậm-rãi.

Hết



NHỚ MẸ

Kính dâng hiên-mẫu

[nhân ngày lễ Vu-lan năm Mậu-tuất]

TÁM-HỮ

MẸ ơi ! Đêm nay lại nhớ Mẹ nhiều. Con đang muốn bỏ tất cả để trở về với Mẹ đây ! Lòng con lại xao-xuyến, lại « vọng-động » rồi ! Nhưng làm sao được, mỗi khi con hình dung Mẹ một mình thui thủi trong gian nhà quạnh-quẽ ? Mùa rét sắp đến, mà nhà mình gió lộng ! Ai sẽ ôm lấy Mẹ để truyền lấy hơi ấm trong những cơn gió lạnh về khuya ? Tại sao con lại phải xa Mẹ, Mẹ ơi ! Mẹ đã già rồi, tóc Mẹ đã sớm bạc từ lâu, từ một mùa đông xa xăm con được sống gần Mẹ. Chưa bao giờ con thấy mái tóc Mẹ bạc trắng bằng đêm đông ấy dưới ánh đèn. Thế rồi con nghĩ « sẽ không xa Mẹ nữa ». Nhưng giờ sao con lại ở trong gác trọ thờ ơ, và con sẽ xa Mẹ đến bao giờ ? Tạm cho là vì số định, cho lòng con bớt xao-xuyến.

Giờ đây, Mẹ một mình ngồi trên chiếc sập, nhìn ra vườn chiều âm-đạm mà buồn nhớ mông lung. Mẹ có tâm hồn cao cả. Mẹ không nở rời mảnh đất « cát rốn, chôn nhau » để tìm vui chỗ khác. Nhưng than ôi ! Mẹ lại không dứt được nỗi nhớ thương !

Con nhớ nhất những ngày đông ở bên Mẹ. Xa quá rồi Mẹ nhỉ ! Hồi đó con học thi Tú-Tài, Mẹ mua cho một chiếc đèn « bát » kiểu Tây thật tốt, và chiều chiều Mẹ dùng khăn riêng lau bóng đèn thật kỹ để ánh-sáng khỏi vương một lớp khói mờ. Vì đèn sáng thì con sẽ bớt ngủ gật, Mẹ tin như thế ! Mẹ thức nhìn con học và chuyên tâm cầu nguyện. Tình thương cao quý của Mẹ chiếu sáng cả tâm hồn và trí óc con, khiến con thầm nhủ : « Con của Mẹ không được thi hỏng » và con gắng sức, vừa niệm Phật đề Ngài gieo ánh sáng Trí-huệ vào đầu con.,.



Có một đêm, con ngủ gật nhiều lần khiến Mẹ ái ngại bảo hãy đi nghỉ, mai Mẹ đánh thức dậy sớm. Con căn dặn Mẹ trước khi vào màn nghỉ lưng.

— Bốn giờ Mẹ nhé ! Mẹ nhớ đánh thức con dậy.

— Ừ được.

Mẹ cẩn thận lên giây đồng hồ báo thức. Khuya hôm đó, trời rét lắm. Con đang say trong giấc ngủ ngon nhất đời thì Mẹ đánh thức con :

— Dậy học, con ơi ! Năm giờ sáng rồi !

— Ừa ! Năm giờ rồi sao Mẹ ? Con dặn Mẹ bốn giờ cơ chứ ! Học bây giờ thì được bao lăm. Thôi, con không phải dậy nữa !

Thế rồi con lại ngủ mà lòng bực bội. Mẹ lặng-lé tắt đèn — Phải, Mẹ đã tắt đèn trước khi đánh thức con, rồi dịu dàng mới bảo :

— Bởi con ngủ say quá ! Đồng hồ báo thức kêu tai hết cả giây, Mẹ lại kêu con năm bảy đạo con cũng không nghe, nên để con ngủ...

Những lời vàng ngọc ấy, mãi đến bây giờ con mới nghe và nghe để hối hận. Con nhớ rõ hôm ấy, lòng con giận Mẹ thật tình và càng nhớ con càng bị ray rứt. Giấc ngủ làm con mê muội quá ! Con quên rằng chính mẹ cũng đang ngon giấc trong chăn ấm, nhưng Mẹ đã cố gắng để trở dậy tắt đèn và đánh thức con. Thế mà nào con có nghĩ đến điều ấy ! Con thàm bực tức vì Mẹ gọi con không đúng giờ. Và trước khi ngủ tiếp con còn dặn với đề Mẹ nhớ kỹ thêm « bài học » :

— Lần sau Mẹ phải đánh thức sớm hơn mới được. Vì trước sau gì cũng một lần dậy, mà dậy sớm học được nhiều hơn...

Có tiếng chị Sáu cười khúc khích ở trong chái :

— Sao nó lý sự giỏi thế !

Mẹ cũng cười, đầy khoan hồng và nhẫn nại; vì Mẹ đã thuộc lòng những lời « biện bác » của con ở mỗi trường hợp khác nhau. Chẳng hạn, nếu Mẹ đánh thức con sớm hơn bốn giờ, con sẽ bảo : « còn sớm quá, để con ngủ thêm mười lăm phút đã mẹ nhé ! » Hoặc nếu mẹ gọi con lúc đúng bốn giờ : « Sao mẹ không gọi sớm hơn một chút để con tập thể thao cho khoẻ rồi học thì vừa ? Thôi để con nằm một lát cho hết buồn ngủ đã. » ...

Buổi sáng hôm ấy, con dậy trưa nên lòng không được thư thái, một phần vì tiếc hai giờ học bỏ phí hồi khuya. Con đi xuống bếp, thấy một mâm cháo trắng và đĩa muối trông thật vô duyên.



— Cháo không có đậu xanh! Con kêu lên giọng đầy vẻ bất bình như thế, rồi đi tâng ra bên. Gió mặt sông thổi nhiều và rất lạnh. Trời hơi mưa.

« Như thế này mà đi qua Đập Đá, chao ôi! » Một mối bức tức vô cớ dần xé tâm hồn con. Con nghĩ : « Mình không thêm mặc áo len một buổi xem sao! » Và con trở lên nhà, sửa soạn đi học. Mẹ hỏi con đã ăn sáng chưa? Con đáp « rồi! » gọn lỏn và hỗn xược. Nhưng mẹ không để ý, vì mẹ đã yên lòng. Trái lại, con thì càng thêm tức, giận và trong lòng như muốn la lớn : « Mẹ không biết rằng cháo không có đậu xanh hay sao? »

Con khoác áo mưa vội vã ra cổng. Mẹ nói với theo rất lớn :

— Đã mặc áo len chưa?

Con giả lờ như không nghe, vì mưa gió át cả tiếng. Mẹ lại gọi lớn thêm trong khi con cố bước thật nhanh; cảm thấy thỏa mãn vì đã gây được mối lo cho Mẹ!

Con đi qua Đập. Mưa tạt lạnh, gió lộng từng hồi buốt cả xương. Con để mặc gió lồng vào ngực và áo dẫm nước mưa; vì con tâm niệm phen này quyết đấu một trận.

Và nghiệp-chướng của con đã khiến con bắt đầu đau thật sự, cách ba, bốn hôm sau đó. Con đã sốt liên miên suốt một tuần lễ trước khi lên bệnh-viện để thử máu và được biết đã bị thương hàn. Mẹ lại phải một phen lo chạy thầy thuốc bỏ ăn mất ngủ vì con. Tóc mẹ bạc nhiều, mắt sâu và gò má thêm cao. Đứa con bất hiếu của Mẹ đã hoàn-thành tội ác chỉ vì một chút vô minh thuở ban đầu, Mẹ đã từng dạy con : « Nhất ba tài động vạn ba tùy » có lẽ là như thế. Năm ấy con bỏ mất một kỳ thi lục cáng nguyệt. Nhưng tất cả giờ đây đều đã qua đi, chỉ có tâm hối hận của con là còn mãi. Dư âm tiếng gọi của Mẹ sớm mùa đông năm xưa vang mãi trong tim con.

Mẹ ở lại với con suốt ngày đêm trong bệnh viện. Trời rét lắm nên hai mẹ con ngủ chung trên chiếc giường nhỏ mà vẫn không cảm thấy chật hẹp chút nào. Mẹ trở về nhà hai ngày một bận để lấy những đồ dùng cần thiết. Con ngồi dậy trên giường bệnh, nhìn qua lớp kính cửa mờ nước để tìm bóng Mẹ bước trên đường rộng viền cỏ trong nhà thương. Con thấy hình vóc Mẹ gầy sút hẳn đi sau có mấy hôm ở bệnh viện, và con thương mẹ hơn bao giờ hết.



...: Bác sĩ cho thuốc uống cách khoảng ba giờ về ban đêm. Mẹ thức suốt đêm để xem giờ uống thuốc, vì Mẹ rất thận trọng trong việc thuốc thang. Mẹ nghĩ rằng sớm hay trễ đi một phút cũng có thể ảnh hưởng đến bệnh tình của con được. Trong phòng còn có một cô gái đồng bệnh đồng tuổi với con; cô ta cũng được bà mẹ săn sóc. Mỗi lần Mẹ cho con uống thuốc, Mẹ đánh thức luôn cả bà mẹ kia đang ngủ dậy lấy thuốc cho con gái. Trong trí con nảy sinh phân biệt, và con thấy chỉ có tình thương của Mẹ là độc nhất. Con phải kiêng cử tất cả các thức ăn; Mẹ cũng nhịn đói với con và chỉ uống nước trà. «Đề cho nó khỏi thèm ăn», Mẹ bảo thế! Chao ôi! Còn có một tình thương nào trên đời cao quý và đáng tôn thờ hơn tình mẫu-tử.

Con khỏi bệnh; Mẹ lại gia công làm việc lành để cầu cho con thi đỗ. Lòng cầu nguyện của Mẹ chân thành quá, chuyên tâm quá còn hơn cả việc học của con, đến nỗi con nghĩ rằng con thành công là chỉ nhờ ở Phật lực và đức độ của Mẹ thôi.

Phòng trọ đạo này vắng teo, vì phần đông người về chưa trở lại. Con cảm thấy cô đơn quá! Đã bao lần con nhớ Mẹ rạt rào, con hình dung mái tóc bạc như sương của Mẹ và muốn trở về ngay. Nhưng có phải không, Mẹ đang cầu nguyện cho tâm hồn con thôi vọng động để con đi được đến cuối đường? Vâng! Con nguyện đi đến thành công, vì Mẹ muốn như thế. Lạy Phật phù hộ cho tâm con bình thản.



TĂNG-SĨ THÁI-LAN HỌC ANH-NGỮ

Những chuông chùa Wat Chakravadirajavas trong bao nhiêu năm nay ngân vang mỗi khi tới giờ tụng kinh nay cũng lên tiếng khi đến giờ học Anh-ngữ. Người ta hy vọng nhà trường sẽ trở nên một trung tâm trao đổi tư tưởng giữa những nhà Phật-học Thái-Lan và Âu-Tây. Khi các vị Tăng-già biết thông-hạo tiếng Anh, thì việc truyền bá càng thêm tiện lợi.



Ý-NGHĨA VÀ GIÁ-TRỊ CỦA MỘT

CUỘC CHIẾN-ĐẤU CHÔNG VÔ-MINH

Khả-Chính

ĐIỀU mới lạ nhất và vinh-hạnh nhất mà Đức Phật đã mang lại cho nhân-loại là khả-năng « làm Phật » của con người. Khả-năng ấy có thành-tựu được hay không, sớm hay muộn, là tùy con người có tánh trau-dồi 2 đức Từ-bi và Trí-huệ, hợp với giác-tánh căn-bản của nó, và đưa 2 mức ấy lên tới mức độ thấp hay cao.

Nói con người có giác-tánh căn-bản là vì giác-tánh ấy vốn có với con người, khiến cho con người được gọi là con người mà không phải con vật. Các học-thuyết đã chẳng công-nhận thuyết « tánh bản thiện » đó sao? Quả vậy, là người, không ai không ưa vui ghét khổ, ưa thiện ghét ác. Thế thì vì đâu, thích thiện mà thiện cứ cút-hùm như rắn mòng nạm, ghét ác mà ác vẫn lăn xả vào như phù-du trước đèn? Phải chăng vì thần minh đưa lối hay tạo - hóa đem đường, hóa xui nên con người chỉ tìm chốn đoạn-trường mà đi? Nếu quả thế thì thần-minh cũng bất-minh và hóa-công cũng bất-nghĩa, không xứng-đáng với quyền năng đã được gán cho! Còn nếu bảo rằng, mặc dù vậy mà vẫn toàn - thiện thì là một kẻ thiện bất lực. Bất năng bất thiện, chung quý « con tạo » là gì, nếu không phải là « con dê chuộc tội » do con người bịa ra để trốn-tránh trách-nhiệm. Giá-trị



con người vì đó cũng không có nốt ! Giá-trị đâu ở cái con người tìm có dối quanh để chạy lối ?

Khác với các tôn-giáo thần-quyền, Phật-giáo thuyết-minh nguồn-gốc tội-lỗi chỉ tại vô-minh. Vì vô-minh mà có vọng-chấp và khởi phiền - não tham, sân, si. Vì tham, sân, si mà không làm được điều thiện mơ-ước ; vì tham, sân, si mà đành cứ lăn xả vào điều ác mình ghê tởm. Vô-minh xui kẻ điếc không sợ súng ; vô-minh đẩy người mù xuống hố sâu. Vô-minh « trồng tre giữa đường » ; vô-minh « kéo trăng xuống nước ». Trả tre lại cho bờ bụi, trả trăng lại cho bầu trời, không phải là sức thần-minh hay tạo-hóa mơ-hồ làm nổi. Phải là sức một phương thuốc chân-chánh của vị danh-y : phương thuốc giải rượu trừ say. Ai khua đũa thần khiến được một Lưu-Linh hết say, một Diêu-Nhã hết điên, nếu không phải chính tự họ uống lấy thuốc giải say, thuốc giải điên ? Cũng thế, để trị bệnh vọng-chấp vì vô-minh, một loại điên và say đến « túy lúy càn khôn », đức Phật đã đưa ra phương thuốc trí-giác. Bệnh nào trị bằng thuốc ấy !

Ở đâu có ánh-sáng trí-giác, ở đó bóng tối vô-minh liền tiêu. Dùng thuốc trí-giác chữa bệnh làm mê, quả không có phương thuốc nào hợp lý hơn nữa. Nhưng, bóng tối mê-vọng không phải chỉ mới nhóm-khởi lên một sớm một chiều gì mà mong đánh tan được một cách dễ-dàng. Nó đã khắc sâu vào đầu óc, bám chặt vào tim gan, tha-thiết như bóng quyen hình, gán-bó như keo luyến sơn. Phi một ánh-sáng tuyệt-đãi, bất cứ ánh sáng thông-thường nào cũng khó rọi thấu hết kẻ tóc chân lông. Kìa bao nhiêu thế-trí lãng-xăng, trên bước đường diệt giặc ngu dốt, rất hăng-hái và đã thành-công trong giai-đoạn đầu, nhưng khi sâu vào sào-huyệt giặc, đều đành phải thúc - thủ. Một câu hỏi rất hợp lý rất chân-xác phải được đặt ra : Trí-giác nào ? Trí không bi chỉ là trí què quặt, cũng như bi không trí là bi mù-lòa vậy.



Vì thế, trong cuộc chiến-đấu chống mê-vọng tham, sân, si do đức Phật khởi xướng và lãnh - đạo, Ngài đã mở một mặt trận Bi Trí rộng lớn, bủa khắp toàn-diện và sử-dụng một chiến-lược tài-tình, gồm đủ hai thể công : Lễ tiền binh hậu. Lễ thì có thuyết khách tình - thương « địch vận » ở sau để trước bốt khí-thể của nó. Binh thì có đạo quân Trí-giác tập-kích đứng trước để đốt thành phá lũy. Trong « địch-vận », ngoài tập-kích, cả hai bổ-túc nhau, hoàn-thành nhau trong một thể gọng kìm, nhắm mục-đích dồn kẻ địch mê-vọng vào tử-địa. Ai trách sao Ngài nhân-tâm đến thế ! Thì đã bảo đức Phật là một tướng tiên-phong đi tảo-thanh giặc mê-vọng kia mà ! Có thể mới là bậc đại-trí, đại-hùng và đại từ-bi. Vậy, Đại từ-bi bằng cách thẳng tay tiêu-diệt giặc ngu-tối.

Tình-thương có trí-giác soi đường là tình-thương sáng-suốt ; trí-giác có tình-thương hướng - dẫn là trí-giác an-lành. Tình-thương sáng - suốt là đại từ-bi ; trí-giác an-lành là đại trí-huệ. Bi, trí đều « đại », ấy là hùng-lực. Dưới ánh-sáng của bi-trí liên-minh, bóng tối mê-vọng chạy dài như rắn mòng năm ; nếu còn ngoan-cổ đưng-đầu thì chỉ sẽ như phù-du gieo đầu vào bóng đèn để tử-vận. Màn vô-minh vén hết, con người được trả lại tự-do. Và chỗ có con người tự-do mới có tự-do làm điều thiện theo ý sở-cầu và xứng-hợp với bản-giác của nó. Đó là chiến-thắng của ai, nếu không phải là của con người ?

x x x

Dóng chuông từ-bi, kêu đèn trí-tuệ : Bằng hai phương-pháp thiết-thực ấy, Phật-giáo đã vì lòng thiết-tha kêu gọi từng con người một đến trả lại tự-do cho họ. Cũng bằng hai phương-pháp ấy, Phật-giáo nhắm cao-vọng đưa lại cho con người một giá-trị chân-thật, ngang với giá-trị tưởng-tượng mà các thần-giáo đã gán cho thần-minh hay tạo-hóa. Con người đầy đủ bi, trí là một vị thần-minh, một đấng sáng-tạo « bằng thịt bằng xương ». Nó là một con người đã tự thắng mình, sau một trận chiến-đấu cam-go chống vô-minh.



NGÀI HUYỀN-TRANG

ĐI ẤN-ĐỘ THỈNH KINH PHẬT

Nguyên-văn chữ Hán của **DƯƠNG-ĐÌNH-PHÚC**
NÔNG - SƠN DỊCH

NĂM 629 (Công-nguyên) Ngài Huyền-Trang bắt đầu đi sang nước Ấn-Độ, đến năm 645 mới về nước nhà. Trong thời-gian 17 năm ấy, Ngài đi 50.000 dặm đường bộ, đi qua lớn nhỏ 128 nước. Ngài tinh-thông Pháp-tướng-tôn, lại nghiên-cứu lý-luận các phái Đại-thừa và Tiểu-thừa, năm xứ Ấn-Độ đều công-nhận Ngài là nhà đại học-giả thứ nhất thời bấy giờ, đã từng chủ-trì các khóa giảng ở chùa Na-lạn-đà là một học phủ tối-cao ở nước Ấn-Độ lúc ấy.

Sau khi về nước nhà, chỉ chuyên công phiên-dịch kinh Phật, cho đến lúc chết, trong 18 năm không hề gián-đoạn; tổng cộng dịch xong được 75 bộ kinh, 1.335 quyển Đại-Đường Tây-Vực-Ký, làm dung-thông văn-hóa Trung-quốc và Ấn-độ. Ngài là nhà lữ-hành, nhà tư-tưởng, nhà văn-học, nhà phiên-dịch của Trung-quốc thế-kỷ thứ 7; trên văn-hóa-sử thế-giới để lại một trang sử rất sáng rọi, cho đến hiện nay nhân-dân Ấn-độ rất quý trọng những di-tích và trước-tác của Ngài, vẫn tâm tâm niệm niệm không bao giờ quên các việc khi Ngài lưu học ở chùa Na-lạn-đà và việc tham-gia đại-hội Vô-già ở thành Khúc-Nữ. Ở trong quán Bác-Vật còn bày di tượng Ngài đeo níp đi cầu kinh. Hơn một nghìn năm nay, việc «Đường-Tăng đi lấy kinh Phật» thành ra việc nhà nào cũng biết, người nào cũng rõ của nước Trung-Hoa, ai cũng vui mừng muốn được nghe kể lại chuyện ấy, đó quyết không phải là việc ngẫu-nhiên.



1/ Năm 596 (năm Khai-Hoàng thứ 16 vua Văn-Đế đời Tùy), Ngài Huyền-Trang sinh tại huyện Hầu-Thị, châu Lạc (nay là huyện Uyển-Sư, tỉnh Hà-Nam) trong một nhà Giáo-đồ Phật, họ Trần, cha Ngài tên là Huệ, nghiên-cứu kinh học Nho-gia, là một nhà vừa làm ruộng vừa học, không cần tiếng tăm hiển-đạt. Ngài Huyền-Trang là con thứ tư, tên là Vĩ, con nhỏ nhất của ông Trần-Huệ ; lúc bé theo cha học tập, thích nghiên-cứu sâu rộng về học-vấn, điều thích nhất là nghiên-cứu Phật-học, làng xóm đều ngợi khen là người hiếu-học. Anh thứ hai Ngài là Trường-Tiếp, làm Hòa-thượng chùa Tịnh-Độ, đất Lạc-Dương. Năm Ngài, 13 tuổi, đến chơi chùa Tịnh-Độ, vừa gặp lúc Triều-dình sai ông Trịnh-thiện-Quả đến Lạc-Dương thế-độ cho 27 Hòa-thượng, Ngài cũng xin ghi tên tham-gia ; bấy giờ xin tham-gia thế-độ đề được làm Hòa-thượng có đến vài trăm người. Vì tuổi Ngài còn nhỏ quá, nên chưa được chọn lấy, Ngài đã khó chịu, thời thường ở trước công-môn bồi hồi trông ngóng. Có một hôm, ông Trịnh-thiện-Quả trông thấy, biết chí-nguyện của Ngài rất là ngợi khen, lại thấy Ngài có khí-vũ anh-tuấn, hỏi đến thì trả lời như nước chảy, mới đặc cách chọn lấy. Từ đó Ngài ở một nơi cùng anh tụng đọc kinh-diễn, không những Ngài đã tinh-ngộ khác thường, mà lại còn chăm chỉ nghiên-cứu kinh-văn, đến nỗi bỏ cả ăn ngủ, có lần, Ngài thăng tọa thuật lại kinh niết-bàn, đối với nghĩa kinh phân-tách rất là thấu-triệt, kỹ-lưỡng, tỏ rõ hết các nghĩa huyền-diệu, cao sâu, làm cho mọi người mười phần kinh dị.

Năm cuối triều Tùy, Ngài Huyền-Trang cùng anh đi đến Tràng-An. Năm 618 (năm Vũ-Đức thứ 1 vua Cao-Tồ đời Đường) Ngài đã đến Tràng-An, ở học tại chùa Trang-Nghiêm nhưng vì bấy giờ các vị cao tăng có tiếng nghiên-cứu kinh Phật đều tập trung ở một giải đất Tứ-Xuyên, Thành-Đô. Năm Ngài 22 tuổi, cùng anh rời bỏ Tràng-An, đến chùa Không-Tuệ ở Thành-đô theo học các vị Pháp-sư Phình-Không, Đạo-Cơ, Bảo-La cho đến năm 27 tuổi, lại du-lịch cả Xuyên-Đông, Xuyên-Tây. Vì muốn cầu cho hiểu sâu đạo lý hơn nữa, mới yêu cầu anh cho đi các xứ tìm kiếm danh-sư, ích-hữu, nhưng vì anh Ngài lưu-luyến Thành-đô là nơi giàu có và yên tĩnh, lại không muốn cho Ngài rời khỏi bên mình, hai ba lần ngăn cản Ngài, Ngài mới phải lừa dối anh Ngài mà phải kết bạn với người lái buôn, noi theo Trường-Giang đi thuyền đến Tam-giáp.



Ngài Huyền-Trang đến Hồ-Bắc, Kinh-Châu, ở tại chùa Thiên-Hoàng, cùng các tăng chúng thảo luận Phật-học, được nửa năm, lại đi lên tỉnh Hà-Nam, sẽ qua tỉnh Sơn-Đông, Hà-Bắc ; một đàng giảng học, một đàng cầu hậu, cơ-hồ đi khắp cả phía Bắc Trung-quốc, thăm khắp các người tăng, người tục mà có học-vấn nhiều ; chất-vấn nghĩa ngờ, tìm kiếm nghĩa khó, không biết chán-nản, thông-suốt cả học-thuyết các danh-gia, nhưng Ngài vẫn không tự cho thế là đầy đủ. Học-vấn của Ngài càng cao sâu, thì nghi-vấn lại càng nhiều ; đồng thời Ngài cảm thấy Phật-giáo Trung-quốc chia nhiều tôn phái, bản dịch kinh-điền rất ít, cũng có được một ít bản phiên-dịch thì văn bút vụng-về tối-tăm, không thể truyền thật cho đời được, lắm lần rất nhiều. Vì ý muốn đĩnh-chính cho đúng nguyên-văn, giải quyết ý-nghĩa kinh-điền, tìm kiếm cứu-cánh kinh Phật, Ngài nghĩ rằng không thân hành đến nơi phát-nguyên Phật-giáo, lưu lại Ấn-độ mà học, thì không được.

May sao, vừa năm Ngài 31 tuổi, về mùa đông năm ấy, có vị học-giả Trung Ấn-độ là ông Ba-Pha-Mật-Đa-Na đi đường bèo đến Tràng-An, ông ta là học trò ông Giới-Hiền chùa Na-Lạn-Đà, vị học-giả có oai-quyền của nước Ấn-độ, theo người ta nói, thì ông nhớ tụng được 100.000 bài tụng của kinh-điền Đại và Tiểu-thừa, Ngài Huyền-Trang đến thỉnh-giáo ông ta, chất-vấn các nghĩa ngờ lâu nay, thấu hoạch được rất nhiều. Bấy giờ Ngài mới nghĩ rằng ở Ấn-Độ nhất-định có nhiều vị đại học-giả, có thể giải quyết được rất nhiều về kinh Phật ; từ đấy Ngài quyết-định chí-nguyện là nhất-định phải đến Ấn-Độ.

Vì tại trước đây 1.300 năm, đường giao-thông chưa phát-đạt, Trung Ấn-Độ thì đường sá xa xôi, muôn trùng hiểm trở ; lại nhân thời bấy giờ Vương-triều Đại-Đường mới lập, nghiêm-cấm nhân-dân ra khỏi nước về phía Tây, Ngài cũng đã hẹn mấy ông đồng bạn dâng biểu lên vua Đường là Lý-thế-Dân xin đặc cách cho được ra nước ngoài du-học, song bị quan-lại ở triều-đình dìm ngấm biểu-chương đó, không chuyển trình cho, chờ lâu không âm tín gì, các đồng bạn đều thoái chí, duy Ngài Huyền-Trang không chút ngã lòng. Vì chuẩn-bị đi ra nước ngoài, nên trong thời-gian chờ tin-tức được đi ; thì Ngài chuyên tâm học tập tiếng nói và văn-tự các nước Tây-Vực và Ấn-Độ.

2/ Năm Ngài Huyền-Trang 34 tuổi (năm 629, Trinh-Quán thứ 3 đời Đường Thái-Tôn), miền phụ cận kinh-dô Tràng-An gặp phải tai nạn



mưa đá, nhà vua mới hạ lệnh : «Nhân-dân có thể đi các nơi tìm nơi không đói kém mà mưu sống», Ngài thừa cơ-hội đó, không tưởng gì hết thảy, đi lẫn vào đám đông, nhắm phía Tây mà đi, theo một đường đi qua các nơi Bảo-Kê, Tân-châu, phía bắc đến Lan-Châu, Thiên-Thủy-thắng tới Lương-châu (huyện Vũ-Oai, tỉnh Cam-túc bây giờ). Lương-châu là đô-thị lớn đất Hà-Tây, yếu-địa quốc-phòng miền Tây của Triều-Đường, quan Đô-đốc Lý-đại-Lượng vâng sắc trấn thủ nơi đó, nghiêm cấm nhân-dân đi về phía Tây, Ngài Huyền-Trang ở quanh quẩn tại Lương-Châu đến một tháng. Có một hôm, sáng sớm, Ngài thừa lúc lính canh biếng-nhác, mới lần ra khỏi thành Lương-Châu, không rõ duyên cớ gì, tin Ngài trốn khỏi thành bị Lý-đại-Lượng biết, y mới lập tức ra lệnh cho vệ-binh đuổi theo bắt lại, may nơi ấy có một vị Pháp-sư tên Tuệ-Oai đồng tình với Ngài, sai hai đồ-đệ là Tuệ-Lâm và Đạo-Chỉnh ngấm-ngấm bảo-hộ cho Ngài đi được, ban ngày ần-nấp, ban đêm mới dám đi, ngủ trên bãi cỏ, nằm dưới sương lạnh, khó nhọc lắm mới qua được Trương-Dịch rồi ra khỏi cửa Gia-Cốc, đến được Qua-Châu (huyện Tây-An tỉnh Cam-Túc bây giờ).

Quan Thứ-Sử Qua-Châu là Độc-Cô-Đạt cũng là giáo-dồ nhà Phật, đối với việc ông Huyền-Trang tây-hành không làm khó khăn, và nhân có ông ta mà thăm biết được đường đi về phía Tây, biết rằng từ Qua-Châu đi đến phía Bắc 50 dặm, có sông Qua-Lô, thân sông phía trên hẹp, phía dưới rộng, nước xoáy, chảy xiết, thủy-thế rất hiểm-nghèo, sâu không qua được. Trên bờ sông đặt một đồn trấn-thủ gọi là Ngọc-môn-quan, là đường đi qua phía tây tất phải qua ; ra khỏi tây bắc Ngọc-môn-quan, có 5 tòa Phong-hỏa-dài mỗi đài cách nhau trên dưới 100 dặm, đều có quân-đội canh giữ, là đồn xây đá, triều-dình lập nên để giữ biên-cảnh, khoảng giữa tuyệt không có nước và cây cỏ, chỉ phụ-cận đài canh mới có nước. Qua hết Phong-Hỏa-dài là đến địa-phận nước Y-Ngò (huyện Cáp-Mật, xứ Tân-Cương). Lúc này chính lúc buồn sầu của Ngài Huyền-Trang khi tây-hành ; không may con ngựa đang cưỡi của Ngài ốm chết, hai đồ-đệ Tuệ-Lâm, Đạo-Chỉnh lại bỏ về Lương-Châu lại có công-văn gửi đến Qua-Châu đuổi theo bắt Ngài về may gặp được Châu-Lại ở Qua-Châu là Lý-Xương giúp đỡ, dục Ngài mau mau trốn thoát nơi ấy.

Một hôm, Ngài Huyền-Trang trong lòng bồn-chồn, đang quanh đi quanh lại trước cửa chùa, vừa may có người Tây-vực tên là Thạch-bàn-



Đà đến lễ Phật, trong lúc chuyện trò, Thạch-Bàn-Đà tình-nguyện thụ-giới; làm đồ-dệ Ngài, đưa đi qua 5 tòa Phong-Hỏa-dài, Ngài vui mừng quá đỗi, mới mua hai con ngựa, cùng ước hẹn ngày khởi trình với Thạch-Bàn-Đà. Đến ngày thứ hai, buổi xế chiều, Thạch-Bàn-Đà cùng một ông già cưỡi con ngựa hồng già mà gầy, đi đến. Ông già ấy thật-thà khuyên ngăn Ngài rằng : «Đi về phía tây, đường sá rất hiểm ác trong bãi sa-mạc dài 800 dặm ở nước Y-Ngô, trên không chim bay, dưới không thú chạy, bãi rộng trông xa tắp không hề gặp một người nào, kết lại đi từng lữ còn lo lạc nhau, huống chi ông đi có một mình. Ông nên trở lại, không nên mạo hiểm nguy đến tánh mạng».

Ngài Huyền-Trang buồn-rầu trả lời : «Cảm tạ lời Ông chỉ bảo, nhưng tôi đã thề quyết đi, nhất định không lùi một bước. Túng xử tôi có chết ở giữa đường, tôi cũng không ân-hận». Ông già ấy coi Ngài có thái-độ kiên-quyết mới đem con ngựa hồng già, gầy vừa cưỡi đó cho Ngài và nói : «Ông không nên coi thường con ngựa già này, sức nó khỏe và lanh lẫm, nó đi qua lại nước Y-Ngô này hơn mười lần rồi, nó thuộc đường lắm. Con ngựa của ông không kinh-nghiệm, sợ không đi được». Nói rồi đem con ngựa cho Ngài Huyền-Trang.

(Còn tiếp)

(Trích «VĂN-HÓA Á-CHÁU», số 1 tháng 4/58)

PAGAN,

THÀNH PHỐ NHIỀU CHÙA NHẤT THẾ-GIỚI

Thành phố Pagan (Miến-điện) hiện có 4 triệu ngôi chùa thờ Phật. Thành phố này lập nên hồi Thế-kỷ thứ 11, đã đánh dấu một thời kỳ thịnh-vượng nhất của Miến-điện. Vua Anawarahta và những vua kế ngôi đã cho xây cất hết chùa nọ đến chùa kia và làm cho Pagan nổi tiếng là một « Kinh thành bốn triệu ngôi chùa ».

Kỷ nguyên kiến trúc huy-hoàng này kéo dài 200 năm cho tới khi Miến-điện bị giặc Mông-cò xâm chiếm năm 1287.

Ngày nay những chùa chiền đồ-sộ đẹp-đẽ của Pagan thường được coi như là một kỳ quan của thế-giới...



ĐỐN-PHÁP, TIỆM-PHÁP HAY HẠ-THỪA VÀ TỐI THƯỢNG-THỪA

CỒ-VIỆT-TỬ

Trong khi tôi viết những bài liên-liếp về Phật-Học đăng ở một tờ báo hàng ngày xuất-bản tại Saigon, có rất nhiều đọc-giả thân-mến xa gần gửi thư đến, hoặc chất-vấn, hoặc luận-bàn việc Đạo.

Kỳ-trung, có những bức thư tôi đã trả lời xong trên mặt báo, mà cũng có nhiều bức tôi chưa kịp trả lời.

Nay soạn lại chồng thư cũ, tìm những thắc-mắc của bạn đọc bốn phương về Phật-pháp, chọn những vấn-đề cần-thiết, và lần-lượt xin giải-bày trên những trang báo này.

Thế nào là «Đốn-pháp» ?

Đốn-pháp tức là phép tu thẳng tiến đến sự giác-ngộ vô-thượng, trái hẳn với «Tiệm-pháp» tức là pháp tu-chúng tuần-tự theo cấp-bực.

Theo Tiệm-pháp thì hành-giả phải đoạn-trừ lần-lần các mê-hoặc đối với xác thân mình, bản tâm mình và vũ-trụ chúng-sanh. Tỷ-dụ: do sự quan-sát một cái cây ma hôi-thúi, rục-rã, sau cùng chỉ còn tro nắm xương trắng, và nắm xương ấy rồi cũng đến phải mục tan thành đất, mà biết rằng xác-thân của mình đây do bốn chất lửa, gió, đất, nước giả-hợp với nhau mà thành, luôn luôn biến đổi và khi bốn chất ấy chia-lìa với nhau thì xác thân sẽ trở về với «Không». Hành - giả lại quay sự quan - sát đó trở vào tâm-tư ý-thức của mình, nhận thấy nó cứ luôn-luôn



biến - đổi, thoát ham muốn, thoát mừng giận, thoát oán ghét, thoát buồn rầu, có lúc lại không nghĩ-tưởng gì hết, có lúc đang ngồi làm việc mà cái «tâm» nhảy hết chỗ này sang chỗ kia như con ngựa không cương, con vượn sút chuồng (tâm viên ý mã), tất cả những tâm - tư ý - thức đó đều không có căn - nguyên cội-rễ, chỉ do sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) xúc-tiếp với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) vọng vào sáu thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, thức) mà sanh ra vọng-tưởng mê-lắm. Tất cả những cái đó không có cái nào thực là «của ta» cả. Nhìn thấu sự thật đó, tự-nhiên không còn chấp cái xác-thân này là «ta», cũng không chấp những «vọng-tưởng» và «tâm-thức» là «ta», nhận-chân cái mà bấy lâu mình tưởng là «Ta» và phải khổ-sở vì cái «Ta» đó chỉ là không. Bấy giờ sẽ chứng được «Ngã-không», nghĩa là cái Ta không có. Chứng được «Ngã-không» tức là đoạn-trừ được mê hoặc về bản-ngã. Tiêu-diệt được hoàn-toàn cái «Bản-ngã» này sẽ chứng được các quả-vị Tiểu - thừa: A Tu-đà-hoàn (Tàu dịch là Thất-lai tức còn phải sanh-tử bảy lần mới thành A-la-hán), Tu-đà-hàm (Nhứt-lai: còn một lần sanh-tử), A-na-hàm (Không sanh: không còn sanh-diệt nữa) và A-La-Hán (Diệt-hoặc: không còn mê-hoặc một chút nào về các sự thấy, nghe, tư-tưởng, quan-niệm) tức là quả-vị rốt-ráo nhứt của những người tu phép Tiểu-Thừa. Bực A-La-Hán không còn vướng mắc vào vòng mọi thứ mê-hoặc thúc đẩy vào vòng sanh-tử luân-hồi nữa mà an-trụ nơi cảnh giới Niết-Bàn thanh-tĩnh của cảnh-giới ấy.

Sở-dĩ có nhiều cấp bực như thế là do ở thành-kiến nặng sâu cạn có khác nhau của mỗi bực.

Pháp tu chứng lần hồi đó gọi là Tiệm-pháp. Cũng như người lên chót núi mà đi theo các con đường mòn vòng quanh triền núi, mãi mới tới đỉnh. Tuy-nhiên, A-La-Hán chưa phải là địa-vị tuyệt-cao trong Đạo Phật. Bực A-La-Hán chỉ là kẻ cố-công tu-học



để tự giải-thoát lấy một mình, cầu lấy an-vui một mình.

Pháp Đại-Thừa chủ-trương khác hẳn. Hành-giả Đại-Thừa tin rằng cảnh-giới an-lạc cá-nhân không phải là chân-hạnh-phúc. Phải tất cả chúng-sanh cùng giác-ngộ, cùng chứng quả vô-thượng Bồ-đề nghĩa là cùng thành Phật hết thảy để tạo nên một thế-giới chân-thường, không có phiền-não, không có sanh-tử, và trong đó tất cả đều sống trong các đức-tánh : Từ-Bi, Hỷ-Xã, tức là đức-tánh của Bản-thể của Chân-Như. Vì thế nên, người tu pháp Đại-Thừa không cầu quả-vị A-La-Hán (Arahat) để tự giải-thoát lấy một mình mà cầu sự Giác-ngộ vô-thượng của Phật để có đủ trí-huệ và phương-tiện mà giác-ngộ cho tất cả chúng hữu-tình. Cũng vì thế nên lời nguyện của các bậc Bồ-tát là : «Ngày nào còn một chúng-sanh chưa giải-thoát, ngày ấy ta chưa chịu hưởng an-vui của Niết-Bàn»

Chính đó là cái động-cơ lớn của đạo Từ-bi.

Đốn-pháp là phép tu của Thiền-Tông trong phái Đại-Thừa.

Thay vì phải đi quanh-co theo triền núi mãi mới lên tới núi, tuy có dễ-dàng hơn nhưng chậm-chạp, Đốn-pháp chủ-trương leo ngược dốc, đương đầu với mọi gian-khổ để tiến thẳng đến chót núi tức là «Giác-ngộ».

Các vị Thiền-sư Đốn-pháp không đem Kinh Luật ra giảng-dạy rườm-rà mà chỉ dùng cách «khai-ngộ» nghĩa là dùng một lời nói vắn-tắt hoặc một cử-chỉ băng-quơ nào đó cốt để kêu gọi trực-giác của đệ-tử, khiến cho tỏ-ngộ tức thời. Đốn-pháp cũng gọi là phép «Truyền tâm-ấn», nghĩa là bậc Thầy đem cái tâm giác-ngộ của mình in lên tâm của đệ-tử. Lễ tất-nhiên đệ-tử ấy phải là bậc có căn-cơ vững-chắc về Phật-Pháp và là bậc thượng-trí mới được. Cho nên, các Thiền-sư không phải gặp ai cũng «khai-thị» cho. Họ không hề cãi lại ai,



cũng không làm mất lòng ai, nếu họ xét thấy người đó chưa đủ trình - độ. Kẻ nào hết sức thành - khẩn đến cầu pháp, và khi họ xét kẻ ấy có thể làm cho tổ-ngộ được, bấy giờ họ mới «truyền tâm-ấn». Vì thế cho nên nói rằng Đốn-pháp chỉ dành riêng cho bậc tối-thượng-thừa. Đọc Pháp-bảo Đàn-Kinh, chúng ta đã thấy ngay bậc Thượng-tọa tài học uyên-bác như Thần-Tú mà không được Ngũ-Tồ Hoàng-Nhẫn truyền «Tâm-ấn» và trao cho Y-Bát thì đủ biết. Bởi vì Thần - Tú chưa trực - nhận được bản-thể «Chân-không» của vũ-trụ chúng-sanh, háy còn chấp «có pháp», chủ-trương tu-hành chứng-ngộ theo cấp-bực, không đúng theo phép «Truyền Tâm-ấn» của Thiên-Tông cho nên không được kế-vị Ngũ-Tồ làm Tồ thứ sáu. Trái lại, Ngài Huệ-Năng tuy học kém hơn Ngài Thần-Tú, lại dốt chữ nữa, nhưng tâm rộng lớn, sức giác-ngộ cao, triệt-thấu muôn pháp đều do tâm biến-hiện mà «tâm» vững lại là «không» cho nên được chánh-thức kế-thừa làm Lục-Tồ.

Vọng-niệm do tâm mà có, và tâm đó lại là «không» thì tất cả vọng-niệm đều không. Hiểu như thế thì không cần dứt vọng-niệm mà vọng-niệm tự-nhiên không còn.

Tuy-nhiên, cứ mỗi lần vọng-niệm dấy lên rồi mới suy-xét và chấm dứt như thế háy còn là thấp. Bực giác - ngộ sẽ không phân-biệt xấu tốt, thương ghét, có không gì cả mà luôn luôn sống theo bản-thể; hoàn-toàn sáp-nhập vào bản-thể; mà bản-thể là «Chân-không», từ cái «Chân-không» đó phát-hiện ra muôn vạn hiện-tượng phổ-cập khắp chúng-sanh và thế-giới.

Lý thì như thế, nhưng còn phải thực - hành. Và thực-hành mới là phần chính. Có người nói «lý» rất đúng, mà khi đụng chạm với sự vật lại nổi lòng yêu ghét, tham sân, thế tức là biết «lý» mà không có sự, không ăn thua vào đâu. Cũng như ta thường nói có học mà không có hành. Hạng này sẽ lạc vào



«thế-trí biện thông» tức là ma-thuyết. Cho nên Phật không chỉ là bậc Giác - ngộ thôi mà cả Giác lẫn Hành đều đầy đủ. Bấy giờ mới thực là đắc-đạo. Nhưng Phật có đắc-đạo mà tự thấy không có Đạo gì để «đắc». Bởi vì «Đạo» đã sẵn có trong tất cả mọi người, mọi chúng-sanh thì lấy gì mà «đắc».

Vì thế, hãy coi chừng những ai tự xưng «đắc Đạo». Hạng tự xưng «đắc Đạo» như thế phần nhiều, nếu không nói là tất cả, đều là hạng bịp đời. Đắc Đạo tức là trở lại cái bản-thể của mình, cũng như sóng tan biển lặn, sóng trở lại nhập với nước vậy. Nếu so-sánh với kẻ phàm-phu thì kẻ «đắc Đạo» có «đắc» đấy, bởi vì kẻ phàm - phu chạy theo vọng-tâm là những đợt sóng trên mặt nước, còn kẻ «đắc Đạo» sống theo bản-thể là nước. Nhưng sóng với nước cùng chung một bản-thể, tuy thấy có vẻ khác mà không khác. Người mê gọi là chúng-sanh, người tỉnh gọi là ngộ, cũng là Phật. Người đang ngủ nằm mộng thấy nọ thấy kia, khi thức giấc biết mình đã mê, nhưng cũng vẫn là một người ấy, không khác gì.

Đốn-pháp chủ-trương làm sao cho người học đạo có cái «bình tĩnh» như người mê ngủ vừa thức giấc vậy. Nghĩa là không có tu chứng, có cấp bậc gì cả. Như thế tạm gọi là «minh tâm kiến tánh thành Phật».

Nhưng cái phút «bình tĩnh» ấy rất quan-trọng, vì nó thay đổi hẳn những hành-vi tạo-tác cùng cảm-tình con người. Từ khi «bình tĩnh» trở về sau, con người không có cảm-tình và vọng-tưởng gây ra tham, sân, si, buồn, khổ như hồi còn mê nữa mà mỗi hành-động, mỗi ý-nghĩ, mỗi lời nói đều hợp với Bản-thể sáng-suốt, phẳng-lặng phổ-biến và huyền-diệu. Họ có thể bố-thí tất cả tài-sản sanh-mạng mà không thấy có người nhận của thí và cũng không có của thí. Bởi vì tất cả đều do bản-thể phát-hiện ra tuồng như có mà thực là không.



Chùa chứng được bản-thể mà cứ tưởng là đã «chứng».
Mỗi nguy-hiêm ở chỗ đó.



Chùa Mahabodhi theo kiểu Đền
Budhagaya Ấn-Độ — Do Vua Htilominol
xây năm 1201 — 34.

Kết-quả cuộc thi Văn-chương của NGUYỆT-SAN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Thưa quý vị độc-giả và quý vị dự thi

Như đã ấn-dịnh trước trong thề-lệ cuộc thi văn-chương của Phật-giáo Việt-nam, hôm nay rằm tháng bảy là ngày tuyên-bố kết-quả cuộc thi.

Trước tiên, ban chấm thi xin hân-hoan trình-bày với quý vị là cuộc thi đã được hưởng-ứng một cách sốt-sắng, nồng-nhiệt. Gần 100 bài dự thi vừa truyện ngắn, vừa kịch ngắn (chưa kể những bài không hợp lệ hay gửi trễ) đã được gửi đến ban chấm thi. Chỉ xét về cách trình-bày và hình-thức những bài dự thi, cũng đủ nhận thấy được sự trịnh-trọng nãng-niu, tin-tưởng của quý vị đã đề tâm sáng-tác : có bài được đánh máy và đóng thành tập rất công-phu, có bài được trình-bày với những bức họa, hay chữ viết rất mỹ-thuật, có bài được gói ghém trong hai ba lớp giấy bóng, có bài được gửi kèm theo một bức thư ký-thác, lời lẽ rất chân-thành, cảm-dộng.

Đáng tiếc là về phương - diện giá-trị văn-chương, những bài ấy chưa đáp được hoài-vọng của ban giám - khảo và mức độ mà cuộc thi đề ra : Có bài có giá-trị về hình-thức, thì lại kém về phương-diện nội dung, có bài nội dung khá, thì cách trình-bày, bố cục, bút pháp lại chưa được điêu-luyện, hấp-dẫn. Do đó, ban chấm thi quyết-dịnh đặt những giải khuyến-khích, chứ không sắp theo hạng nhất, nhì, ba... Mỗi giải khuyến-khích là 1.000đ. Sau đây là những bài được giải khuyến-khích :

Tiếng chuông trên đời của Nguyễn-Lê

Vui đời đạo-lý của Minh-Tâm

Cội phúc của Lê-Văn

Ngoài ra, chúng tôi có lựa thêm một số bài, tương-đối có giá-trị, mà chúng tôi sẽ tuân-tự cho trình-bày trong nguyệt-san này, sau khi đã mạn phép tác-giả, sửa-chữa một đôi chỗ về phương-diện nội dung hay hình-thức để cho phù hợp với tôn-chỉ và giá-trị của Phật-giáo Việt-nam. Mỗi bài được đăng, chúng tôi sẽ xin gửi số tiền nhuận bút đến quý vị tác-giả.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi trân-trọng cảm-tạ toàn-thề quý vị độc-giả đã hoan-hỷ, sốt-sắng hưởng-ứng cuộc thi văn-chương này, nhất là đối với những vị, tuy biết trước mình sẽ không được giải, mà vẫn gửi bài đến để gây một mối giây liên-lạc và một mối duyên văn-tự với Phật-giáo Việt-nam. Rồi đây chúng tôi sẽ mở những cuộc thi khác, và ước mong rằng kinh-nghiệm đầu tiên của cuộc thi này và mối thiện-duyen sẵn có giữa quý độc - giả và Phật-giáo Việt-nam Nguyệt-san sẽ đem lại cho quý vị những kết-quả tốt đẹp hơn.

P.G.V.N.



Truyện ngắn được giải khuyến-khích

TIẾNG CHUÔNG TRÊN ĐỒI

Phóng-tác của **Nguyễn - Lê**

NGÔI sao mai vừa lên đến chót đọt cau xa, thì đạo quân tiều-trừ của Đê-Đốc họ Đào, cũng vừa đến đầu cánh đồng Phụng-Vĩ. Lệnh bao vây được truyền đi tức khắc.

Người ngựa câm lặng tràn đi dưới một trời sao trong sáng...

Đó là một đạo binh Triều khét tiếng bạo tàn trên khắp núi rừng thôn xóm của suốt bảy tỉnh miền nam Trung, bạo-tàn với tất cả những kẻ đã chống lại Triều-đình, chống lại nhà nước Bảo-Hộ, tất cả, dù là trong hàng vương-tôn quý-tộc, hay ngoài tiện-dân lê-thứ, là võ-sinh, nho-sĩ hay nông-phu...

Bao nhiêu tiếng cười ngạo-mạn đã tắt đi theo đầu rơi lông-lổc !

Bao nhiêu cái thân trẻ ngang-tàng đã gục xuống dưới vó ngựa thanh-trùng !

Bao nhiêu mái tranh nghèo vô tội đã bốc lửa giữa đêm khuya !...

Không ai đếm được cả những điều đó trong bao năm nay !

Cũng không ai đếm được, thanh Ngân-Tuyền-kiếm của Đào đã bao nhiêu lần tằm đỏ máu của anh-hùng trong thiên-hạ !

Người ta bảo rằng, viên tướng trẻ ấy chưa hề biết rung-động trước một đôi mắt sầu ngấp lệ, trước một tiếng than não-nùng của người sắp chết, hay trước một tiếng thét kinh-hoàng của một đôi môi hồng mọng sữa. ,



Hình-ảnh đó chỉ làm cho Đào bật lên tiếng cười hề hả, như mỗi lúc được nghe âm-thanh ghê-rợn của tiếng thép phập vào thân người.

Nhưng, người ta biết rằng, Đào không bao giờ hề-hả cả! Hay là, như chính Đào đã nghĩ rằng mà nguyên, là Đào chưa bao giờ hề-hả được!

Bởi vì, Đào còn một mối phụ-cừu chưa rửa xong!

Đó là một món nợ máu!

Ngày nào thanh Ngân-Tuyền nhúng được vào máu kẻ đại-cừu, họa mới có thể là ngày Đào coi lại bàn tay tanh máu của mình,..

Nhưng mà, chao ôi!, nào có biết được ngày đó là ngày nào!

Giữa thời ly-loạn, ai kia như hạt nội mây ngàn, có để gì để cho Đào thanh-toán được một oan-gia chẳng đội chung trời?

Cho nên, hận thù xưa, Đào vẫn cứ trút mãi lên đầu dân lành mấy cõi...

Và đêm nay, vó ngựa tiều-trừ của Đào lại hướng về Phụng-Vĩ thôn vô tội...

Phụng-Vĩ vẫn êm-đềm say ngủ dưới trời sao không hay biết vòng hung-thần đang siết chặt quanh mình.

Tiếng gà xao-xác gáy tiếp chờ, lẻ-loi... rài-rác... rồi lan đều khắp trong lòng thôn xóm...

Vài tiếng trẻ khóc tu-oa... Một giọng hát ru rười-rượi... dứt quãng...

Xa hơn, hình như ngay từ hướng gió heo-may, tiếng Đại-hồng-chung công-phu vọng chầm-chậm..., ròi-rác..., đều đều như tiếng gỏ của bước thời-gian đang đi dần về sáng...

Lòng tay cương, Đào khoanh tay ngồi im trên lưng ngựa.

Hơi sương làm Đào chợt thấy lạnh.

Quay sang những tù-tướng, Đào hỏi:

— Đã chặt-chẽ cả chứ?

— Bầm đã!

— Cần mật chứ?

— Bầm vâng! Và quân binh đang chờ tướng-công hạ lệnh..

— Chưa vội! Hãy chờ đến sáng rõ. Này có ai từng biết Phụng-Vĩ?

— Bầm, mùa thu năm ngoái, mật-tướng có đi ngang đây.



Đào quay lại người tỳ-tướng vừa dứt lời :

— À, Võ-Nhân !... Thế người biết tiếng chuông kia chứ ? Của một ngôi chùa nào ở gần đây chăng ?

— Bầm vâng ! Đó là Bạch-Liên-tự. Và tiếng chuông ấy chắc hẳn là của Khò-Hạnh Hòa-thượng đang công-phu... Bểng tất trên cánh đồng này, có thể đến đó mà không bị người hay biết.

— Tiếng chuông hình như vang từ một cao-điềm... Bạch-Liên-tự nằm trên một ngọn đồi có lẽ ?

— Bầm đúng thế ! Chùa nằm trên chót đồi Bạch-Liên.

Đào lặp lại :

— Đồi Bạch-Liên ! Nghe hay nhỉ ! Người có biết vì sao chùa có được cái tên đó chứ ?

— Bầm vì ngay trên trung-tâm đỉnh có một hồ sen trắng đẹp vô-ngần. Có lẽ giờ đây sen đã nở, và đồi đã thơm hương...

— Thế à ? Thế thì ta đến đó vậy ! Người cho ngựa lên trước đi. Rồi ghìm lại dây cương, Đào nói tiếp như nói với mình :

— Ngồi bên một ấm trà bốc khói trong lúc này hẳn là ấm-cúng ! Lâu quá rồi, ta chẳng biết đến cái hương-vị của một chén trà mạn sen.



TIẾNG Đại-hồng-chung công-phu vẫn ngân chậm-chậm... ròi-rạc... đều đều... đệm cho lời kinh trăm-trăm... đìu-dịu... của một vị Sư có lẽ là đã già.

Nhảy xuống yên, ném cương cho tên quân hầu, Đào bước vào cổng lam-quan.

Hương sen thoang-thoảng quanh người.

Đang đi, Đào bỗng dừng lại, lặng ngắm cái đẹp hiện-hiện giữa lòng hồ vòng-nguyệt trải rộng trước chân đi.

Quả như lời Võ-Nhân, sen đã nở đầy hồ.

Trong ánh sáng mờ đục hơi sương, những cánh sen trắng ngần rung-rinh, đẹp như những nụ cười thanh-khiết, đẹp như những chấm trắng linh-dộng của những cánh chim trên nền trời hoàng-hôn trong sáng.

Đào làm-bầm :

— Lạ ! Đồi cao thế này, mà lại tự thủy được ?...

Nghe được, Võ-Nhân vội đáp :



— Bầm không phải! Hô chỉ trũng sâu trong lòng đá, chứ không có mạch thủy. Nước lưng đầy theo mưa sa, nhưng không hề cạn, người ta bảo thế... Không rõ được đó là công-trình của hóa-công hay của con người. Chỉ biết là nó đã có từ ngàn xưa, bao nhiêu đời trước khi có ngôi chùa này, và trước khi có một vị Hòa-thượng biến nó thành một hồ sen bạch cho mãi đến bây giờ.

Đào gật-gù...

Rồi cùng với các tỳ-tướng, Đào đi vòng theo ven hồ để đến cửa chính.

Đào bỗng hỏi Vô :

— Pháp-danh của Hòa-thượng này là gì nhỉ? Ta quên mất!

— Bầm, Người hiệu là Khô-Hạnh!

— Ra sao?

— Bầm, Người quả là một bậc chân tu! Mặt-tướng đã từng được nghe Người thuyết-pháp. Chắc chắn là tướng-công sẽ được hài lòng khi gặp Người.

Vô bước lên các bậc cấp đá hoa, đến gõ nhẹ vào cửa.

Và cửa mở, khi tiếng gõ lần thứ nhì vừa dứt.

Một khuôn mặt đẹp dịu-hiền của một Ni-cô hiện ra giữa khung cửa, với ngọn nến hồng trên tay.

Đào sáng mắt nhìn, trong lúc Ni-cô cúi đầu thi-lệ :

— Mô Phật! Xin rước quý Ngài vào trong... Hòa-thượng người cúng vừa xong thời kinh công-phu.

Rồi trang-nghiêm, người đứng về một bên chừa lối, tay giơ cao ngọn nến đang chao sáng chập-chờn.

Tiếng chuông không rõ đã dứt từ bao giờ.

Trước Phật-đài, vị Sư già đang đốt thêm một tuần hương. Khói thơm quyện lấy người, mờ tỏa màu áo cà-sa và màu sáng của tượng Phật bằng đồng.

Đào cảm thấy ngay ấm-áp, nhẹ-nhàng.

Mắt Đào thông-thả nhìn từ cái dáng lưng gầy-gò của Sư-cụ, qua những bức tượng màu, đến những nét chữ chân, chữ thảo trên mặt hoành, mặt liễn. Rồi cuối-cùng, lại trở về lại cái lưng áo cà-sa đã loãng khóat.

Sư-cụ vẫn giữ nguyên tay giữa ngực, và ung-dung quay lại.

Nét mặt khắc-khò hiền-từ, với cái nhìn dịu-dịu buồn, sáng rõ dưới ánh nến.



Đang vừa muốn thi-lễ, Đào bỗng giật phắt người, tay đặt ngay vào chuỗi gươm.

Sư-cụ không thấy cái khác lạ đó của khách.

Cái trán cao của người đã cúi xuống với tiếng chào :

— Mô Phật !...

Nhưng một tiếng quát đã bật lên, ghê-rợn như tiếng sét.

— Nguyễn-Quốc !

Vị Sư già giật mình trông thấy đôi mắt liền ngừng vội lên, dăm dăm.

Xung-quanh, bao nhiêu ánh mắt cũng ngừng lên, lạ-lùng nhìn Đào, rồi nhìn Sư-cụ...

Đôi môi già bỗng làm-bầm :

— Đào-kim-Vũ ? !...

Nghe được, Đào bật lên một tràng cười điên dại, rồi lại tắt ngay, răng nghiến vào nhau trèo-trẹo :

— Oan-gia !... Oan-gia !... Quả trời cao có mắt !...

Thanh Ngân-Tuyền được rút phắt ra, mũi thép ngời lên sáng, tiến chậm-chậm đến ngực áo cà-sa.

Một tiếng kêu hốt-hoảng bật khè từ bên cạnh.

Đó là tiếng của Võ-Nhân.

Và một tiếng rú từ trước mặt, giữa khung cửa vào hậu-liều.

Đó là tiếng của Ni-cô.

Nhưng Đào không lệch mắt nhìn. Mũi Ngân-Tuyền vẫn không lệch đích đi...

Tiếng Đào vẫn rít giữa hai hàm răng :

— Chính ta đây, Nguyễn-Quốc !... Đào-kim-Vũ này đã tìm người khắp bốn phương trời, trong suốt năm năm nay... Ta đã ngờ... Ha ha !... Trời quả đã giúp ta ! Hồn thiêng của thân-phụ ta đã giúp ta !... Nguyễn-Quốc !... Nguyễn-Quốc !...

Đào bật lên cười điên dại.

— Mô Phật ! Công-tử đã không lầm ! Nguyễn-Quốc chính là bần-đạo !...

Đào dừng chân, và tắt tiếng cười, sòng-sọc nhìn cái vẻ điềm-nhiên trên nét mặt già khắc-khò của cừu-nhân.

Điềm-nhiên cả giọng nói trầm buồn, như đang ngồi trước một chén trà thơm khói.



— Bao năm nay, bần-đạo quả không chờ có một ngày này...

— Không chờ !... Hừ !... Đề mà yên thân làm một ác-tăng đối đời gạt chúng ? !...

— Mô Phật ! Đuốc tuệ của đức Thích-Ca-Mâu-Ni sẽ soi sáng cho Phật-tâm của bần-đạo !... Bần-đạo bảo rằng không chờ, chỉ bởi vì lương-tâm bần-đạo rất yên-ôn trước việc làm của bần-đạo !... Nhưng giờ đây, cái ngày này đã đến, thì bần-đạo vui lòng đề công-tử rửa mối thâm-cừu...

— Vui lòng ! Vui lòng !... Đừng tỏ cái khí-phách mực ấy với ta ! Bần tai ta lắm !... Nay, thanh gươm này của ai, người nhớ chú ?

Mũi Ngân-Tuyền ghim sát vào ngực áo gầy, hơi thép rờn-rợn lạnh...

Lại một tiếng rú bật khê từ trước mặt, giữa khung cửa và hậu-liều...

Nhưng ở đây, gương mặt vẫn không đổi sắc.

Vẫn điềm-nhiên ở giọng nói :

— Bần-đạo chưa quên ! Nó chính là người bạn đường oanh-liệt của cánh tay này trong suốt một thời ngang dọc. Nhưng trong bao năm nay, lại cũng chính nó đi tìm máu dân lành... Thân này chết, nếu còn có điều ân-hận, thì chính là điều đó...

Đào gầm lên :

— Câm đi !..., Oanh-liệt ! !...

Thu tay gươm, Đào quay lại đám tù-tướng hạ lệnh :

— Bắt sạch tất cả dân thôn Phụng-Vĩ lên đây cho ta !

— Tuân lệnh !...

Người tù-tướng vừa muốn quay ra, bỗng phải dừng lại, vì tiếng của Khô-Hạnh hòa-thượng đang vội-vàng :

— Xin đừng !... Xin công-tử đừng làm thế mà kinh - động dân lành tội-nghiệp !... Bần-đạo xin trả thân già đề công-tử gia-hình, nhưng xin đừng hành - hạ người vô tội mà bần - đạo không nhắm được mắt... Công-tử muốn có họ chứng - kiến cái chết của bần-đạo cũng được, nhưng xin để cho bần-đạo gọi họ... Khỏi phải nhọc sức quân-binh...

Rồi không đợi Đào bằng lòng, sự cụ đã quay lại gọi :

— Diệu-Liên !

— Mô Phật !

— Con ngân Đại-hồng-chung cho tất cả chúng - dân biết rằng ta đang cần gọi họ về chùa...



— Mô-Phật !...

Diệu-Liên ni-cô rời khỏi chỗ đứng với đôi mắt ướt long-lanh,
Đào và tướng-tá đứng quanh không nói không rằng.

Riêng Vô-Nhân vẫn còn cúi đầu suy-nghĩ...

... Dưới thôn xa, gà đang rộ tan canh...

Tiếng Khồ-Hạnh hòa-thượng kệ, vẫn trầm trầm, thanh-thản như
những khi người thuyết - pháp, nhưng sao lại vẫn không giống như khi
người thuyết-pháp.

Hòa-thượng đã kệ rằng :

— Vào một sớm cách đây bảy năm, cùng cái tin đức Duy-Tân
rời hoàng-thành đi biệt-tích, là cái tin lãnh-binh Đào-kim-Văn bị giết
ngay ở cửa thành-nội...

... Cái tin kia đã làm xúc-động toàn cả Huế đô, thì cái tin này,
đã khiến phần đông người kệ cả dân-chúng lẫn quân-binh hài lòng.

... Bởi vì, người ta biết mục-dịch đi của đức Duy-Tân !

... Và bởi vì, Văn không được lòng dân lúc sống !

—... Tuy-nhiên người ta đã phân-vấn không rõ vì sao Văn bị
giết ? Và ai là người giết Văn ?

... Nhưng rồi sau đó thì người ta biết : Kẻ giết Văn chính là
Nguyễn-Quốc, một bằng hữu thiết-thân, đồng-cấp với Văn trong đạo quân
phòng-thành ! Biết chính là Quốc, bởi vì gần nơi Văn chết không xa,
người ta tìm thấy thanh Ngân-Tuyền của Quốc rơi lại.

... Người ta chỉ biết thế. Chứ cái lẽ vì sao Quốc giết bạn, thì
chưa mấy ai rõ được...

... Cái lẽ đó như thế này :

... Bình-sanh, chí-hướng của đôi bạn mỗi người mỗi khác. Văn
thân Pháp. Quốc chống Pháp. Nhập vào đạo quân phòng thành, Quốc
chỉ vì đại-cuộc.

... Đêm đó, vâng mật-lệnh của chí-sĩ họ Trần, Quốc sẵn-sàng
trông giữ cửa thành để hộ-giá đức Duy-Tân lìa Hoàng-cung.

... Đó là giờ phút quan-trọng của lịch-sử !

... Cả một khối dân-tộc đang đợi chờ cái phút đó...

... Thế mà, buồn biết chừng nào ! Văn đã không muốn biết đến
điều đó !...

Quốc gặp người nghinh giá bên cửa thành, là lúc, không biết vô
tình hay cố ý, Văn bỗng đột-ngột đến, để rồi chỉ một thoáng, Văn hiểu
ngay được âm-mưu của vua tôi Quốc.



Và tất-nhiên, Quốc được lệnh phải bảo-vệ cho kỳ được cái kình-nghem của mưu-đồ. Linh hồn của cả một phong-trào chống Pháp, nhất định phải được an-toàn mà rồi thành tức khắc!...

Cuối cùng, chỉ còn Quốc, một người một gươm đối diện với Văn. Quốc biết việc làm của mình khó. Nhiệm-vụ và nghĩa-tình!
Cho nên, Quốc đã rơi nước mắt mà khuyên Văn nghe mình, nghe theo lời phủ-dụ của đức Duy-Tân.

Văn không thuận nghe. Cũng không tỏ ra phản-nghịch...

Nhưng cuối-cùng, Văn chạy vụt đi...

Và rồi, điều đau lòng đã phải xảy ra.

Quốc phải rút gươm, và gươm Quốc phải nhúng vào máu Văn cũng chỉ vì đại-cuộc của dân-tộc!...

Khò-Hạnh hòa-thượng ngưng nói, nhìn bao-quát tất cả.

Người cảm biết, những nét mặt âu-lo kia, đã hiểu được phần cuối-cùng của sự việc. Và có lẽ họ cũng hiểu được điều gì sẽ xảy ra trong sớm nay, trước khi mặt trời lóe mọc.

Tuy vậy, người cũng nói, sau một cái hướng mắt bình-thản về phía Đào :

— Đề-đốc Đào-kim-Vũ chính là công-tử đây ! Và Nguyễn-Quốc chính là bản-đạo, cho nên, bên cạnh cái đau lòng vì phải tan vỡ nghĩa-tình trong suốt bảy năm nay, lương-tâm bản-đạo đã không có cái ân-hận nhục-nhã đối với dân, với nước, Bản-đạo cũng không thẹn, không hổ, khi khoác lên mình chiếc áo cà-sa, khi niệm lên lời kính đại-tử, đại-bi trước Phật-đài... Thẹn chẵng, hổ chẵng, là bản-đạo đã đi liệm phần cuối-cùng cuộc đời mình trong an-nhàn, cạnh một mối sầu vong-quốc không tan!...

Cho nên, trước khi đem cái chết đề giải một oan-cừu bản-đạo xin mượn lời người xưa đề gởi lại đời những nỗi niềm không bao giờ nói...

Rồi quay sang Diệu-Liên, người nhẹ bảo ;

— Nghiên bút cho thầy!...

Trong khoảnh-khắc, vách chùa hồng lên những dòng thơ sắc nét ngang-làng.

Đào đứng im-lặng nhìn.

Nét sát-khí như dũi đi trên gương mặt trẻ.

Từ nãy, Đào đã nghe có cái gì gợn nhẹ trong lòng. Và trong một thoáng, Đào như quên đi việc phải làm, quên đi những điều đã găm nhấm đêm ngày.



Nhưng chỉ một thoáng, chỉ một thoáng hình-ảnh cái thân đẫm máu của cha lại hiện rõ trước mắt... Oán-cừu lại nổi dậy... Mắt Đào lại nóng lửa sát-khí...

Đào hét :

— Thôi đi !... Kẻ khâu phật tâm xà ! Đừng nhiều lời đề mong ta tha-thứ ! Người phải chết !...

Lưỡi gươm hoa lên theo tiếng nói,

Tất cả như nghe toàn thân ớn lạnh...

Nhưng Võ-Nhân bỗng bước ra bên lưỡi gươm, cùng với tiếng vọng :

— Xin tướng-công cho mặt-tướng được nói ít lời !

Đào ngừng tay gươm, long mắt :

— Người muốn gì ?

Võ cúi đầu đáp :

— Bầm, mặt-tướng chưa bao giờ dám hé lời mỗi lúc tướng-công rút gươm ra khỏi vỏ. Nhưng hôm này...

— Thì sao ?... Người ngăn ta chắc ?

— Bầm không ! Mặt-tướng không dám thế ! Mặt-tướng chỉ cầu xin tướng-công xét lại... Không hiểu vì sao... bầm tướng-công, nói điều này, mặt-tướng biết sẽ chịu ngay sấm-sét búa rìu, nhưng xin tướng-công thương, chứ quả tình, không hiểu vì sao mặt-tướng lại cảm thấy Khô-Hạnh Hòa-thượng đáng kính hơn đáng hờn...

Đào quát ngay :

— Im đi ! Người lại có thể kính được kẻ đã giết cha người sao ? Lui đi ! Đừng điên cuồng nói với ta những lời bất-hiểu bất-mục mà chửi bây giờ !

Võ vẫn một giọng van-nài :

— Xin cho mặt-tướng cạn lời...

— Ta bảo im !... Có nghe chưa ?

— Bầm...

Đào bỗng nghiêng răng...

Và trong chớp mắt, vung mạnh một đường gươm không thương-xót.

Người ta chỉ kịp nhìn thấy cái đầu trai-trẻ của Võ băng đi, và rơi bôm xuống lòng hồ sen bạch...

Một khoảng hoa lá rung-rinh... Một ít máu hồng vương trên nhụy vàng cánh trắng...



Và khối thịt của Vô lăn đi lông-lổc trên các bậc thềm...

Bao bàn tay bụm lấy mặt.

Trời sương hải-hùng, nước-nở...

Diệu-Liên ni-cô đã quy xuống tự bao giờ, toàn thân rung rung trong lớp áo nâu sồng.

Xà Khồ-Hạnh hòa-thượng cũng đã quy xuống, nâng cái hình-hài đỏ máu lên tay thảm-thiết :

— Mô Phật ! Thân này của bản-đạo có đáng gì để phải lụy đến người !!... Có đáng gì...

Đào vẫn như không nghe thấy gì cả với đôi mắt đỏ ngầu sòng-sọc.

Hết nhìn bọn tì-tướng len-lét cúi đầu, Đào lại nhìn đám dân đen đang bàng-hoàng trong nước mắt.

Và Đào hỏi, giọng gằn-gằn ghê-gớm :

— Còn kẻ nào nữa ? Muốn điên-cường chết thế cho kẻ kia thì bước ra ta xem ?...

Thâm-tâm Đào, tự cho đó là một câu hỏi thừa. Nhất định là không có đến hai kẻ cường như Vô.

Nhưng kia.

Đào giật mình, nhìn một mái tóc già bước ra, với một tiếng lạnh-lùng :

— Tôi !

Không nói không rằng, Đào tim mặt, nhảy vọt xuống bờ hồ vòng nguyệt.

Nhưng vừa đứng vững, Đào bỗng lại giật mình quay lại.

Ni-cô Diệu-Liên cũng đã đứng phất dậy, và cũng với một tiếng lạnh-lùng :

— Tôi !

Đào quắc mắt, nhưng chân mày Đào cau lại.

Giữa lúc Khồ-Hạnh hòa-thượng vội thảng người dậy, vươn tay về phía trước, như can ngăn :

— Mô Phật ! Đứng ! Đứng !... Hãy để cho linh-hồn bản-đạo được nhẹ-nhàng siêu-thoát !

Rồi hướng về phía Đào, người nói :

— Hãy giết tôi đi ! Công-tử !... Hãy giết tôi đi ! Và hãy tha cho những người vô tội !... Chao ôi ! Đức Phật-tồ vì người mà xả thân... Còn kẻ hèn này lại để cho người vì mình mà uồng-tử !... Biết bao giờ !... Biết bao giờ ta mới trả được tròn !!...



— Người muốn gì nữa ?

— Không ! Không ! Bần-đạo không còn muốn gì nữa, ngoài cái muốn đem thân này để giải mối oan-gia hai họ... Vì dân, vì nước mà bần-đạo gieo cái nhân, thì bây giờ gặt cái quả, bần-đạo cũng muốn phải vì dân, vì nước... Mãn-nguyện cho bần-đạo lắm rồi ! Công-tử hãy cứ xuống tay đi, cho bần-bạo khỏi còn rơi nước mắt, và cho khỏi đổ thêm máu dân lành.

— Người khỏi cần nài !... Nhưng ta muốn ban cho người một ân-huệ cuối-cùng, để thiên-hạ thấy rằng, ta đã đại-lượng khi giết một kẻ tay không...

Đào thu gươm lại, dẫn từng tiếng :

Sám-hối đi !... Ta cho người một khắc cuối cùng để mà dọn mình...

« Đại-từ đại-bi mẫn chúng-sanh.

« Đại-hi đại-xả tế hàm-thức.

« Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm.

« Ngã đẳng chí-tâm qui mạng lễ. »

Boon !...

—... Nam mô quy-y Kim-Cang thượng sư...

Boon !...

—... Quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng. (1)

Boon !...

Tiếng chuông đồng sám-hối ngân trong gió sớm, buồn như tiếng thở dài không bao giờ dứt...

Và lời kinh sám-hối trên đôi môi già lệ ướt, cũng buồn như một lời than não-nùng...

Khò-Hạnh Hòa-thượng cảm nghe lòng mình cũng đang ngân hồi nức-nở.

Chưa bao giờ, Người nghe mình đau-đớn trong thời kinh sám-hối như hôm nay !

Cũng chưa bao giờ, với lời kinh này, với tiếng chuông này, Người lại nghe cái nguyện-vọng cảnh tỉnh của mình tha-thiết như hôm nay !

Và tất cả những người dân Phụng-Ví, cũng chưa bao giờ như hôm nay, lại nghe lòng mình ăm-ức nghẹn-ngào, vì một âm-thanh đồng-vọng, cái âm-thanh của hai buổi sớm chiều quen thuộc...

Diệu-Liên ni-cô nghe đau nhói theo từng mỗi tiếng đồng...



Ni-cô cảm nghe, đó là tiếng đếm của tử-thần đang lăm-le lưỡi hái... Người cảm thấy nó sẽ giơ lên... và nó sẽ hạ xuống... ghê-gớm trên tấm thân già của sư-phụ khi tiếng đếm cuối cùng vừa dứt...

Chao ôi! Suốt bốn năm dằng-dắt, công-ân dẫn-dắt qua khỏi vòng nghiệp-chướng tham, sân, si... công-ân truyền dạy cái lẽ cứu đời, phò-độ chúng-sanh từ-bi, bác-ái... nào biết là bao nhiêu!

Giờ đây, không thề không đền đáp! Không thề không giữ cho tấm áo cà-sa kia của sư-phụ đừng vấy máu!

... Boon!...

— Xin ngài hãy giết tôi!... Hãy giết tôi!... Và xin tha cho một công-đức tuồi-tác để người sống nốt quãng đời đạo-hạnh của người!... Van ngài..., van ngài..., bằng lòng đi..., đừng để đến dứt tiếng chuông cuối cùng...

Bờ mi đẹp động lệ long-lanh, như sương tươm đầu lá ướt. Đào nhìn vào đó, chân mày cau lại. Rồi bỗng quay đi, răng cắn lấy bờ môi...

Nhưng mắt Đào lại vấp phải trăm ngàn bờ mi khác, cũng đang động lệ long-lanh.

Và từ nơi đó, và khắp cả, rền lên những lời nguyện-cầu tha-thiết.

— Mô Phật! Xin hãy xoa dịu hờn căm trong lòng người! Xin đừng để... đừng để máu rơi, thây ngã..! Đừng để cho oán thù truyền kiếp chất chồng...

Đào lại quay mặt đi, cố giữ cho lòng không rung động. Nhưng cái hình hài không đầu chưa khô máu, lại đón mắt Đào... Đào như thấy từ nơi đó..., từ khắp cả..., từ trên mỗi lòng hoa, mặt lá, hiện hiện đôi mắt sầu ai oán của Vô... Những đôi mắt sầu ngập lệ khác..., những lời than náo nùng, những tiếng thét kinh hoàng, những đầu rơi lông-lốc, những hình hài máu đỏ... Chao ôi! Sao mà thê-thảm đến thế này!

Sao mà ghê-lởm thế này?

Và những lời kinh, những tiếng chuông kia! Oan hồn nức-nở đó chẳng?

Bất giác Đào rùng mình, có cái gì như ớn lạnh luồn nhanh trong đường gân thớ thịt...

Và thanh Ngân-Tuyền rời khỏi bàn tay đang nắm...

Trong kia, qua khỏi trăm xao-động, tượng đức Thích-Ca buồn rầu ánh mắt. Đào thấy như đang đau xót nhìn mình.



Không còn kèm được nữa, xúc cảm dâng tràn..., thồn-thức.

Đào ngoảnh ngay ra.

Rồi giữa tiếng đại-hồng-chung vừa tiếp dậy, Đào chạy vụt ra cửa tam-quan, lệ mờ đất sớm...

... Từ đó, bóng Đào đã biệt tích.



MƯỜI năm sau, người đi ngang qua thôn Hoàng-Mai yên lành ở cuối dãy Trường-Sơn, đều biết vị Hòa-thượng trụ-trì am Đại-Hạnh.

Người còn trẻ. Không ai biết tên thật người là gì. Chỉ biết Giác-Minh là pháp-danh của người.

Đạo-hạnh của người đã bay đẹp một vùng...

Người ta kể rằng :

Giác-Minh Hòa-thượng đã từng cởi áo cà-sa của mình mà đắp cho một kẻ khó đang run-rầy bên đường.

Người đã từng thức trắng bao nhiêu đêm để đỡ giấc cho một cô-nhi đau ốm...

Người đã từng nắm lấy tay cày, cày giúp cho một quả-phụ nghèo mảnh ruộng cao cần-cối bên đồi.

Những khuya tăm-tối, dù giữa trời giông-gió, dù đang rét mưa sương, người ta vẫn có thể thấy ánh đuốc lập-lòe của người xuống đồi, đi vào lòng thôn xóm đang cần đến người.

Người từng bảo rằng :

— Tội lỗi ngày xưa của bần-đạo, nhiều như cát biển, nặng như núi Trường-Sơn. Bốn đại-dương nước mắt của chúng-sinh, quả đã có bàn tay bần-đạo làm nên trong đó. Thì hạnh-hạnh mười năm nào có nghĩa gì ? !..

Cho nên, đêm đêm, giữa thảo-am chấp-chờn ưnh nển, lời kính sám-hối của người vẫn buồn như một lời than não-nùng.

Và cùng với lệ nển, nước mắt của người chảy mãi không ngừng...



(1) — Trích «Hồng-Danh Bửu Sám Kinh».-

TIN TỨC

TRONG THÁNG

— Trong chuyến ghé thăm Việt-Nam vừa qua, Pháp-sư Diễm-Bồi, với một chương-trình hành pháp rộng lớn, Pháp-sư đã đi thăm nhiều chùa : Chùa Ấn-Quang, chùa Tam-Tông-Miếu, chùa Dược-Sư, chùa Phước-Hòa... Pháp-Sư cũng đã thuyết-pháp nhiều nơi : tại chùa Xá-Lợi, Thánh-thất Minh-Tân, tại Huế, Nha-Trang, Đà-Lạt... Đâu đâu, Pháp-Sư cũng được đón tiếp nồng-hậu và trong các buổi thuyết-pháp, thính-giả đến tham-dự rất đông-đảo. Đặc biệt là buổi giảng kinh Bát-Đại-Nhân-Giác năm đêm liên tiếp tại chùa Xá-Lợi (từ 3 đến 8-7-58), mỗi đêm 600 ghế của giảng đường không còn một ghế trống.

Chiều thứ bảy 2-8-58. Ủy-ban Liên-Hiệp Việt-Hoa Phật-Giáo có thiết tiệc trà trọng-thê tại chùa Xá-Lợi đề tiễn chân Pháp-sư. Có nhiều vị Hòa-thượng và hơn 1.000 tín-dồ Phật-giáo đến dự tiệc tiễn-hành.

Pháp-sư đã do đường hàng-không trở về Đài-Loan hôm 3-8-58.

— Ngày 25-2-58, Đại-sứ Tích-Lan tại Hợp-Chủng-quốc có triệu tập một cuộc hội họp Đại-sứ các nước theo Phật-giáo để thành-lập một trung-tâm Phật-giáo tại Hoa-Thịnh-Đốn.

Ngoài việc truyền-bá giáo-lý của đạo Phật, trung-tâm này sẽ là một giáo-đường đề cho nhân-viên các Tòa Đại-sứ có đạo Phật hoặc có cảm tình với Phật-giáo có thể đến chiêm-ngưỡng và học hỏi.

Trong cuộc hội họp nói trên, có mặt đông đủ các vị đại-diện hai phái Tiểu-Thừa (Hinayana) và Đại-Thừa (Mahayana) biểu-dương tinh-ihần đoàn-kết giữa các phái. Về ngoại-giao đoàn, có đông đủ đại-sứ các nước đến tham-dự.

— Hội Phật-Học Nam-Việt, vừa được thư của phái-đoàn Phật-giáo Tây-Tạng cho hay có ý muốn qua thăm Saigon.

Hội đã phúc đáp thư trên và tỏ ý hoan-hỷ được đón tiếp phái-đoàn Phật-giáo nước bạn, nhưng ngày phái-đoàn đến chưa được biết đích-xác.

— Tỳ-kheo Quảng-Liên, đã từ giả Saigon bằng đường hàng không vào ngày 18-8-58 lên đường du học sang Mỹ.

Trước đây thầy Quảng-Liên cũng đã từng du học ở Tích-Lan trong 6 năm.

— Đạo-hữu Chánh-Trí đã được Hội Asia Foundation giúp đỡ mọi khoản phí để đi dự Hội-nghị lịch-sử Tôn-giáo lần thứ chín tại Đông-Kinh (Nhật-Bản).



Sáng thứ hai 25-8-58, đạo-hữu đã đáp máy bay Air France sang Hong-Kong rồi từ đó sẽ qua Đông-Kinh.

Đạo-hữu có đem theo nhiều tài-liệu (phim ảnh, báo chí, sách vở...) để giới-thiệu Phật-giáo Việt-Nam với các nước bạn.

— **Một ngôi chùa thờ Phật**, vừa được dựng xong trong vòng thành Trần-Hưng-Đạo, Tông-hành-Dinh của Quân-dội Quốc-gia Việt-Nam, đã được khánh-thành vào ngày rằm tháng bảy vừa qua.

Ban Quản-Trị chùa ngỏ ý muốn gia-nhập vào hệ-thống Hội Phật-Học Nam-Việt.

— **Rằm tháng bảy vừa qua**, Giáo-hội Tăng-già và Phật-Học-Đường Nam-Việt đã tổ-chức lễ Vu-Lan rất trọng-thề. Đặc-biệt ngoài lễ Tự-tứ còn thêm lễ bế-mạc khóa Trụ-trì cũng được tổ-chức rất long trọng. Sau 3 tháng học tập, Giáo-hội sẽ bổ-nhậm số gần 60 vị về các tỉnh để trụ-trì chánh-pháp.

— **Từ ngày Thư-viện chùa Xá-Lợi** mở cửa đến nay, số giáo-hữu đến đọc kinh càng ngày càng đông. Những đêm sám-hối và những sáng chủ nhật, quang cảnh vô cùng nhộn-nhip và hoan-hỷ.

— **Ban Hoằng-Pháp Phật-Giáo Nam-Việt** đã soạn xong quyền Phật-Học Phồ-Thông khóa thứ 5, dịch xong quyền Duy-Thức Phương-Tiện-Đàm, gần rồi bộ kinh Viên-Giác và đang tiếp tục phiên dịch các kinh luận khác.

Tòa-soạn P. G. V. N. cũng vừa nhận được cuốn kinh Đại-Bát Niết-Bàn do Thầy Thích-Tâm-Châu biên dịch.

Chúng tôi ân cần giới-thiệu những kinh luận trên cùng độc-giả thân mến.—

QUÝ BẠN LƯU-Ý :

Đề bạn đọc ở xa có thì giờ gửi bài dự thi nên cuộc thi giải trí hàng tháng ở P.G.V.N. số 22 gia hạn thêm một tháng nữa tức đến ngày 15 tháng 8 mới hết hạn.

Quý bạn đọc vẫn còn thì giờ gửi bài dự thi về Tòa-soạn.

Ngoài biệt hiệu ký dưới bài, xin các bạn cho biết địa-chỉ rõ ràng để Ty Quản-lý tiện việc gửi tặng thưởng.

Quý bạn trúng thưởng về cuộc thi số 19 và số 20 - 21, nếu chưa nhận được tặng thưởng, xin cho biết tin.

Thư từ, bài vở xin đề: **243 Đường Sư Vạn-Hạnh Cholon.**
Ngân-phiếu, đề tên: **Nguyễn-văn-Nhã.**

CÁO LỖI CHUNG BẠN ĐỌC

Có nhiều bài cần đăng trọn trong số báo này, vì vậy Tòa-soạn phải gác **Hộp Thư Tòa-soạn** lại ở P.G.V.N. số sau.

Kính mong quý bạn đọc hiểu và đón đọc ở số tới.

P.G.V.N.



Nghị-định số 2009/P3 ngày 1.8.1956.

Tòa-Soạn và Quản-Lý:

Chùa ^{KC}Ấn - Quang

243, Đường Vạn-Hạnh Thiển-Sư

- CHOLON -

GIÁ BẢO

Mỗi số	10đ00
Sáu tháng	55đ00
Một năm	110đ00

Ấn loát tại Nhà In SEN - VÀNG 243, Đường Sư Vạn - Hạnh - CHOLON.

